

Giải mã việc Cao Biền trấn yểm sông Tô Lịch

Tóm lược sự việc như sau :Vào ngày 27/9/2001, đội thi công số 12 -Thuộc Công ty xây dựng VIC, trong khi nạo vét sông Tô Lịch,thuộc địa phận làng An Phú - Phường Nghĩa Đô - Quận Cầu giấy - HÀ NỘI đã phát hiện được di vật cổ rất lạ và huyền bí. Đó là 7 cây gỗ được chôn đứng dưới lòng sông, tạo thành một đa giác đều,tại đó có các bộ hài cốt bị đóng đinh bả vai, táng giữa các cọc gỗ đó. Ngoài ra còn phát hiện được tám gỗ Vàng tâm có hình Bát quái, một số đồ Gốm, xương Voi, Ngựa, dao, tiền đồng.

Sau khi đã rút những cọc gỗ đó lên, lấy các bộ hài cốt đem lên Bát Bạt -Hà tây (là nơi nghĩa trang chôn cất chung của TP.Hà nội), thấy có rất nhiều hiện tượng kỳ lạ xảy ra. Nào là các việc chuẩn bị tiến hành thi công bị rối tung lên, máy xúc KOMATSU tự nhiên lao xuống sông;. Nào là một số người đang làm việc tự nhiên ngã lăn ra đất, chân tay co rúm, cứng đờ, lưỡi thè ra ngoài và trở nên hoàn toàn mất tư thức trong nhiều giờ;. Địa tầng của cả khu vực thi công tự nhiên biến đổi, không giống như khảo sát ban đầu; Thử đưa la bàn vào khu vực đó thấy kim la bàn quay tít.

Một năm sau sự việc trên,có hàng loạt sự kiện ngẫu nhiên xảy ra ,gây kinh hoàng cho toàn đội xây dựng số 12, là đội đã trực tiếp thi công khu vực trên. Bản thân, gia đình, anh em của những người công nhân trực tiếp ngập lặn vớt hài cốt, nhỏ cọc đóng dưới lòng sông liên tục bị các tai nạn thảm khốc như chết, bệnh tật, tai nạn. Sự việc lên đến đỉnh cao khi có tới 43 người thợ bỏ không dám tiếp tục làm việc tại công trường nữa. Trong số đó nhiều người không nói rõ lý do, cũng không đòi hỏi vật chất mà đáng ra họ được hưởng.

Ngày 9/10/2001 những người thợ đã mời một thầy theo đạo Tứ phủ đến giải thích, theo nhận định của Thầy thì đây là một đạo Bùa Bát quái trận đồ được chôn yểm lâu đời để trấn yểm Long mạch của khu vực này. Sau đó các công nhân lại tiếp tục mời Thượng tọa Thích Viên Thành tới. Thượng tọa Thích Viên Thành đã cho 5 đệ tử lập đàn tràng, làm lễ Hàn lại Long mạch: Chỉ hơn 1 tháng sau, Thượng tọa Thích Viên Thành đã bị bệnh chết.

Các nhà khoa học đã có những đánh giá sơ bộ, song cho đến nay vẫn chưa có kết luận nào khả dĩ có thể lý giải và khắc phục các sự việc trên.

Giáo sư Trần Quốc Vượng có kết luận như sau :'' Trước đây, cổng Hoàng thành ngoài lính còn có Thần chấn giữ 4 cửa (Thăng Long Tứ trấn) và có yểm bùa hay còn làm lễ Hiến Sinh. Như vậy đây là cổng thành phía Tây của La thành. Thông qua tính tương đối thống nhất giữa niên đại của Tiền và đa số đồ gốm cho thấy niên đại của địa điểm này trong khoảng thế kỷ 11 cho đến 14, thuộc vào thời Lý - Trần Việt Nam hay thời Tống của Trung Quốc.

Sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa hiện tượng sông Tô bị lở do đổi dòng và mất nhà Vua bị đau, đã tạo ra một lễ trấn yểm, trong đó có những bộ xương người cùng những hiện vật khác chẳng.(Ở đây GS Trần Quốc Vượng muốn nhắc đến sự tích Ông Dầu bà Dầu trong chuyện cổ tích Việt nam - Người viết). Đó là một phần của những gì đã đăng tải trên tờ báo. Gần đây, một người bạn của tác giả có cho biết :

Đài truyền hình có phát tin người ta đã chuẩn bị khôi phục lại hiện trạng di vật như lúc ban đầu.

Người viết bài này lại có ý kiến khác hẳn: Theo thiên ý của người viết, đây là một hiện tượng chắn yếm nhằm cắt và bế Long Mạch, chặn đường của Khí. Ai đã chắn yếm vị trí này và mục đích sự chắn yếm này để làm gì ?. Theo thiên ý của người viết : Đây là tác phẩm của Cao Biền, Tiết độ sứ của TQ vào thế kỷ 8 -Tức là trước thời nhà Lý khoảng 200 năm.

Người viết xin được chứng minh như sau : Trước hết nói về ý kiến của GS Trần Quốc Vượng; người viết cũng đồng ý rằng đây là một sự chắn yếm sông Tô lịch, song không chỉ căn cứ vào niên đại của một số đồ gốm nhật được mà cho rằng sự việc xảy ra vào thời Lý - Trần. Nếu theo Truyền thuyết " Tại sao sông Tô lịch và sông Thiên Phù hẹp lại " hay truyền thuyết " sự tích Ông Dầu bà Dầu ", tác giả của sự việc trên là các vị Vua nhà Lý, nhằm trấn yếm sự Báo thù của Ông bà Dầu, thì không có sự việc sông Tô Lịch và Thiên Phù cứ ngày càng hẹp lại, đến nay chỉ còn là một con sông nhỏ xíu, làm nhiệm vụ thải nước bẩn cho Hà Nội. Ta nhớ rằng theo sử sách sông Tô lịch ngày xưa rất rộng, trên bến, dưới thuyền, là trục Giao thông chính thừa ấy. Mặt khác thời Lý Trần có rất nhiều nhà Phong Thủy Việt nam tài giỏi như : Thiên sư Định không làng Cổ pháp (Sư thọ 79 tuổi -Năm Bính tư 808), Sư La chân Nhân (852 -936), Sư Vạn Hạnh..

Dĩ nhiên các vị sư đó không thể nào để cho các Vua Lý chắn yếm sông Tô Lịch và Thiên Phù, để đến nỗi sông Tô Lịch và Thiên Phù cứ ngày càng hẹp lại và Ngôi báu Vua Lý chẳng bao lâu về tay nhà Trần. Dòng họ Lý bị tuyệt diệt đến nỗi chỉ có người nào đổi qua họ Nguyễn mới thoát khỏi.

Bây giờ ta xét sự việc dưới một góc độ khác qua các sự kiện Lịch sử và các truyền thuyết còn lưu lại trong dân gian.

Theo Việt sử lược : Thành Đại La được xây dựng vào thế kỷ 7 có tên là Tống Bình. Năm thứ 2 niên hiệu Trường khánh (Nhâm Dần -822), Vua Mục Tông nhà Đường dùng Nguyên Hỷ làm quan đô hộ. Nguyên Hỷ thấy cửa thành có dòng nước ngược sợ rằng dân ở thành có ý đồ phản nghịch, liền sai Thầy bói gieo 1 quẻ. Thầy bói nói rằng : Sức ông không đủ để bồi đắp thành lớn, 50 năm sau, có một người họ Cao đóng đô tại đây mà xây dựng Vương phủ .

Tới đời vua Đường Y Tôn (841 -873), Cao Biền được cử sang đất Việt làm Tiết Độ sứ. Cao Biền là một con người đa hiệu: Vừa là một vị Tướng, vừa là một nhà Phù thủy, một Đạo sĩ, cũng là một nhà Phong thủy có tài. La Thành được Cao Biền sửa chữa, chỉnh đốn lại cho hợp Phong Thủy vào các năm : 866, 867, 868. Theo truyền thuyết, khi Cao Biền xây dựng lại thành Đại La, thì khu vực thi công có hiện tượng sụp lở đất. Cao Biền liền tiến hành chắn yếm Thần sông Tô lịch và một số điểm khác như đền thờ Thần Bạch mã, núi Tản Viên. Sau đó công việc xây dựng mới có thể hoàn tất.

Tới đây, ta nhớ lại một truyền thuyết khác của dân tộc Việt nam. Đó là " Truyền thuyết Thành Cổ Loa " Tương truyền rằng khi xây dựng thành Cổ loa, An Dương Vương cũng xây mãi mà thành vẫn bị đổ. Khi đó Rùa Thần hiện ra chỉ cách cho xây và cho một cái móng chân, lúc đó thành Cổ loa mới có thể xây dựng xong".

Về mặt địa lý, La thành và Thành Cổ loa cách nhau không xa (Theo đường chim bay chỉ vài chục km).

Tới đây, ta buộc phải tự đặt câu hỏi : Có sự trùng hợp giữa hiện tượng sụp đất của Thành Cổ loa, sự sụp đất của thành Đại la và sự sụp lở đất không thể khắc phục được trên công trình nạo vét sông Tô Lịch ?.

Qua hai truyền thuyết trên, bỏ qua các sự việc có tính chất dị đoan, chúng ta phải chấp nhận một sự thực là: Vùng đất từ đầu nguồn sông Tô Lịch kéo dài đến Cổ Loa - Đông Anh HÀ NỘI là một vùng đất có địa tầng địa chất không ổn định. Ta cũng cần phải nhớ rằng : Núi Tản viên nằm ở hướng Tây Hà Nội. Mặt khác phía Tây và Tây Bắc của La Thành là một vùng núi non trùng điệp của các tỉnh HÒA BÌNH, SƠN LA, LAI CHÂU...Theo định nghĩa của môn Phong Thủy, Long Mạch xuất phát từ những rặng núi cao. Núi mà từ đó khởi nguồn Long mạch gọi là Tổ sơn. Ngoài ra Long mạch còn xuất phát từ những khu vực khác gọi là Thiếu sơn. Ta cũng biết rằng thiên khí từ trên trời luôn có tính chất giáng xuống, các đỉnh núi cao là những antena tiếp thu sinh khí. Từ những sự việc trên, ta cảm nhận được rằng có một Long mạch rất lớn bắt nguồn từ núi Tản Viên và các rặng núi phía Tây, Tây bắc của Thành Đại la kéo dài qua thành Đại La theo dọc sông Tô Lịch (khí thường đi theo nước), chạy qua khu vực Hồ Tây bây giờ (Hồ Tây trước kia là một khúc của dòng sông Hồng), sau đó sang tới tận địa phận Cổ Loa -Đông Anh - HÀ NỘI và còn theo hướng Đông, Đông Bắc đi tiếp .

Chính vì có Long mạch này mà Cao Biền phải vô cùng bận tâm, khổ trí nhằm tiêu diệt hoặc chấn yểm. Có rất nhiều truyền thuyết về Cao Biền liên quan đến các khu vực khác nhau của Long mạch này. Ta có thể kể ra đây những hoạt động của Cao Biền liên quan đến các khu vực của Long mạch này : Đầu tiên là truyền thuyết Cao Biền chấn yểm núi Tản Viên, hẳn đã sử dụng đến 8 vạn cái tháp bằng đất nung để chấn yểm núi Tản viên. Tới gần đây người ta còn đào được những cái Tháp đất nung đó tại khu vực Hà nội. Tiếp theo là truyền thuyết Cao Biền dùng hơn 4 tấn sắt, đồng...chôn để chấn yểm đền Bạch Mã là nơi vị thần sông Tô Lịch trú ngụ. Cao Biền còn nhiều lần dựng đàn tràng, dùng 4 thứ kim loại : sắt, đồng, vàng, bạc chấn yểm nhiều nơi trên bờ sông Tô Lịch. Theo sử sách, Cao Biền đã đặt Bùa chấn yểm tới 19 nơi dọc theo sông Tô Lịch.

Thời bấy giờ nước Nam có nhiều vị đại sư tài ba lỗi lạc, hiểu biết rất giỏi về Nho,Y, Lý số và thuật Phong Thủy đã hóa giải sự trấn yểm của Cao Biền bằng phép Huyền môn. Các đại sư thường tụ tập tại ngôi đền SƠN TINH THỦY TINH ở núi Ba vì, hay ở đền BẠCH MÃ, dùng những hiểu biết về Phong Thủy để chấn áp bùa phép của Cao Biền.

Trở lại, đạo bùa tìm thấy trên lòng sông Tô Lịch, có rất nhiều lý do để có thể kết luận rằng : Đó là tác phẩm của Cao Biền, chứ không phải là của các nhà vua Lý. Tác phẩm đó là của Cao Biền đời nhà Đường, thuộc về thế kỷ 9, tức là trước thời các nhà Lý khoảng 200 năm (Lý thái Tổ -Năm 1010). Nếu xét về niên đại của cổ vật tìm thấy, thì trong khoảng 200 năm các cổ vật trên cũng không có sự thay đổi nhiều. Cũng không loại trừ trường hợp các cổ vật ở trên đất liền rớt xuống lòng sông thời gian sau khi Cao Biền trấn yểm.

Bây giờ ta lại xét đến mục đích của Cao Biền khi trấn yểm sông Tô Lịch. Cho tới tận giờ phút này, khi các bạn và tôi đang ngồi bên máy vi tính,người ta vẫn sử dụng các thủ thuật : Châm cứu, điện chấn, xoa bóp, bấm huyệt ... để chữa bệnh.

Tất cả các thủ thuật đó đều dựa trên lý thuyết về hệ thống kinh mạch, huyết, lạc trong cơ thể con người. Người ta xác định được hàng ngàn vị trí Huyệt đạo trong cơ thể con người. Tùy theo từng trường hợp khi châm cứu, người ta dùng kim tam lăng để châm vào các huyệt khác nhau, với thời gian và độ nông sâu khác nhau. Trong dân gian còn lưu truyền các biện pháp bấm, điểm huyệt có thể làm cho một bộ phận nào đó của cơ thể không còn khả năng cử động, hoặc nặng hơn là bộ phận đó không còn sử dụng được. Ta vẫn biết rằng :THIÊN ĐỊA NHÂN là hợp nhất. Mọi vật thể từ Vi mô cho đến Vĩ mô đều phải tuân theo những quy luật chung của sự tương tác vũ trụ. Phải nói dài dòng như vậy để có thể tạm kết luận rằng, trên Trái đất này cũng phải có những đường kinh mạch, huyết, lạc như trong cơ thể con người. Trái đất này là một cơ thể sống chứ không phải là một cục đất chết như nhiều người vẫn nghĩ. Ta cũng có thể suy ra một hệ quả rằng :Tại một điểm nào đó, người ta có thể dùng một thủ thuật nào đó, có thể ngăn, bế hoặc chặn đường đi của một Long mạch như Cao Biền đã làm. Thủ thuật này người xưa gọi là trấn yểm.

Bây giờ ta tạm thời đưa ra các nhận định như sau :

1. Đạo Bùa trấn yểm trên dòng sông Tô Lịch là của Cao Biền -Tiết độ sứ của nhà Đường, dùng để chấn yểm long mạch, khi tiến hành xây dựng thành Đại La vào thế kỷ 9. Đó là 1 trong 19 nơi mà Cao Biền đã thực hiện trấn yểm.Đạo Bùa đó hoàn toàn không phải do các Vua thời nhà Lý chấn yểm trong Truyền thuyết Ông Dầu, bà Dầu khoảng 200 năm sau khi Cao Biền thực hiện chấn yểm.

2. Chấp nhận có một Long mạch rất lớn xuất phát từ phía Tây của thành Đại La (Các dãy núi thuộc các tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, và gần nhất là dãy núi Tân Viên); Long mạch này đi qua thành Đại La, cụ thể theo dọc sông Tô Lịch, qua khu vực Hồ Tây, kéo dài sang Cổ Loa - Đông Anh - HÀ NỘI; Long mạch này còn kéo dài tới dãy Yên Tử và theo hướng Đông Bắc tới tận Quảng Ninh. Đây chỉ là nhánh Thanh Long của đồng bằng Bắc Bộ. Nhánh Bạch Hổ khi có điều kiện tôi xin chứng minh tiếp.

3. Cao Biền đã thực hiện biện pháp trấn yểm Long mạch, nhằm bế dòng khí của Long mạch này. Thủ thuật trấn yểm tương tự như thuật điểm huyệt trong đông y học.

Đến đây, ta lại tiếp tục đặt ra câu hỏi :

1. Tại sao có hiện tượng kỳ lạ và bí ẩn đã xảy ra cho các công nhân trong đội xây dựng số 12. Bản chất hiện tượng đó như thế nào ?

2. Tại sao sau khi Cao Biền trấn yểm sông Tô Lịch, kể từ đó tới tận ngày hôm nay, trong lịch sử ta không còn nghe có vụ sụt lở đất nào khác ngoại trừ trường hợp trên sông Tô Lịch đã nêu ở trên sau khi người ta đã rút các cọc trấn yểm lên.

3. Hậu quả của việc rút bùa trấn yểm lên sẽ như thế nào đối với khu vực dọc theo sông Tô Lịch nói riêng và cả khu vực HÀ NỘI, các vùng phụ cận nói chung. Hậu quả sẽ như thế nào đối với Long mạch đi qua thành Đại la ?

4. Biện pháp khắc phục sự việc trên như thế nào ?. Người ta có thể hàn lại Long mạch như Thượng Tọa Thích Viên Thành đã thực hiện hay không ?. Trường hợp khôi phục lại Bùa chắn yểm đó xấu hay tốt ?.

Người viết bài này xin mạo muội lý giải các câu hỏi trên. Vì tình yêu đối với HÀ NỘI, quê hương của người viết, vì trách nhiệm một người Việt nam đối với quê hương rất mong được cùng các bạn trao đổi, hầu tìm ra những giải pháp khắc phục hiện tượng kể trên. Đó là trách nhiệm chung của chúng ta không chỉ phải của riêng ai.

Người viết xin được lần lượt lý giải các vấn đề trên như sau :

1. Tại sao có hiện tượng kỳ lạ và bí ẩn xảy ra cho các Công nhân trong đội xây dựng số 12

-Bản chất của hiện tượng đó như thế nào ?.

Trong thuật Phong Thủy, Khí là một hiện tượng rất khó giải thích, nhưng nó là một khái niệm cơ bản của thuật Phong Thủy. Nhận định đúng về Khí là chìa khóa mở vào lý thuyết cốt yếu của Phong Thủy. Theo quan niệm Á đông, Khí ẩn tàng làm động lực cho Trời đất vạn vật. Khí không những hội tụ trong các vật thể hữu hình mà còn tản mát vô hình sau khi vật thể tan rã để tạo thành những thể rất Linh thiêng gọi là Linh Khí của Vũ trụ. Người xưa có câu : Tụ là hình tán là Khí. Ngày nay Khoa học phát hiện được một vài dạng của Khí, gọi là Plasma sinh học.các dạng đó có thể đo, đếm được. Trong Đông Y học người ta phát hiện Hệ thống Kinh , Mạch, Huyết là đường vận hành của Khí từ rất xa xưa. Người ta phát hiện rằng : Khí vận hành trong Kinh, Lạc như một dòng nước, chỗ đi ra gọi là Tĩnh, trôi chảy gọi là Huỳnh, dồn lại gọi là Du, đi qua gọi là Kinh, nhập lại gọi là Hợp. Đường Kinh không đơn giản là một ống dẫn vật chất nào đó. Đường Kinh là một chùm ống dẫn Khí Ngũ hành xuyên suốt các cơ quan, bộ phận của một Tạng tượng. Ngoài ra người xưa còn biết rất sâu về bản chất của Khí, có một lý thuyết về Thời châm vô cùng chính xác là Tí Ngọ lưu trú và Linh Quy bát pháp. Đó là trên cơ thể con người,còn trong Phong Thủy ,người ta quan niệm rằng Nguyên Khí trong lòng đất, tương tự như hệ thống mạch, huyết trong Đông Y. Nguyên Khí được xem là gắn bó với nước, nước giúp Khí di chuyển, nước đi thì Nguyên Khí cũng đi, nước ngừng thì Nguyên khí cũng ngừng. Sinh Khí tụ mạnh nhất là nơi giao hội của nước (nơi các dòng sông hội tụ chằng hạn). Người viết chỉ nêu ra một số quan niệm về Khí, dùng cho việc chứng minh luận điểm của mình, còn Lý thuyết về Khí thì vô cùng, vô tận. Mặt khác, có thể tìm hiểu cơ chế của mối quan hệ giữa hài cốt người chết đối với người thân thích còn sống như thế nào ?. Theo Giáo sư Nguyễn Hoàng Phương: Trước hết vì trong mối quan hệ này không có sự tiếp xúc xác thịt trực tiếp giữa hài cốt người chết và thân xác người còn sống, nên tất yếu phải có phần sóng vô hình của cả đôi bên tham gia vào. Đó có thể là một hiện tượng cộng hưởng sóng mang tính chất huyết thống, dòng họ. Do tần số đôi bên có thể khác nhau nhiều, nên trong lý thuyết về Nhạc, loại cộng hưởng này mang tên cộng hưởng Harmonic (Tần số này là bội số của Tần số kia). Đó là cơ chế cộng hưởng Harmonic hình thái huyết thống.

Trở lại câu chuyện trên dòng sông Tô Lịch: Người viết cho rằng : Long mạch đã nói ở phần trên bị Cao Biền trấn yểm đúng Huyết vị, đã bị ngăn chặn lại tại nơi có đạo Bùa chắn yểm. Hậu quả của đạo Bùa này làm cho Nguyên Khí không thể tiếp tục đi theo hành trình vốn có của nó, làm cho vùng đất dọc theo Long mạch sau khi bị

chấn yểm trở nên cứng hơn, ổn định hơn. Bằng chứng là về sau này ta không còn nghe được sự việc sụt lở đất tương tự như thế nữa. Ta có thể hình dung hơi thô thiển là Long Mạch giống như một mạch máu, bị cột lại một đầu, không cho dẫn máu tới các vùng sau đó được nữa. Các bộ phận cơ thể đằng sau chỗ bị cột vì không có máu nuôi nên dần dần bị khô, teo đi. Ta cũng để ý một điều rằng :Thành phố Hà Nội ngày nay có rất nhiều hồ nước con đang tồn tại như hồ Tây, hồ Gươm, hồ Bảy mẫu, hồ Ha Le ...Mặt khác sông Tô Lịch và Thiên Phù dần dần bị hẹp đi và giờ đây chỉ còn là con mương nhỏ dẫn nước thải cho TP.HÀ NỘI. Ở đây có một câu hỏi thú vị là : Nếu như Cao Biền (vốn được coi là tổ sư của Phong Thủy) đã quyết tâm trấn yểm tiêu diệt dòng sông Tô Lịch thì sao cho đến tận bây giờ sông Tô Lịch vẫn còn tồn tại (mặc dù chỉ là con mương nhỏ). Theo người viết,nếu Cao Biền trấn yểm đúng thì ngày nay ta chỉ còn nghe đến tên của nó qua lịch sử. Đến đây người viết khẳng định :Cao Biền có sự sai lầm trong việc chấn yểm. Nguyên nhân sự sai lầm của Cao Biền chính là sự hiểu biết vô cùng chính xác của các vị Vua Hùng - Tổ tiên của người Việt chúng ta trong thuật Phong Thủy nói riêng và trong Thuyết Âm Dương, Ngũ Hành nói chung. Vì tiên đoán được các sự việc sẽ xảy ra, sau khi mất nước, các Vua Hùng đã cố ý làm sai lạc một phần của Thuyết Âm Dương Ngũ Hành. Người viết xin chứng minh vấn đề này ở phần sau.

Bây giờ ta đi vào trả lời câu hỏi nguyên nhân của sự việc xảy ra cho công nhân đội xây dựng số 12. Theo người viết như sau : Tại chỗ có đạo Bùa, Nguyên Khí bị bế lại lâu năm, khi tháo gỡ đạo Bùa, giống như tháo bỏ chỗ bị cột trong mạch máu, Nguyên khí bị thoát ra ngoài tại vị trí chấn yểm và lan tỏa ra xung quanh. Ta chưa xét đến sự tốt xấu của dòng Khí đó với cơ thể con người. Chỉ biết một điều rằng : Chính dòng Khí đó làm mất cân bằng cục bộ môi trường xung quanh chỗ đường Khí được giải phóng. Chính vì vậy những người Công nhân đang làm việc tại khu vực đó bị các hiện tượng kỳ lạ đã nêu ở phần đầu. Khi cơ thể con người bị mất cân bằng về Khí dẫn đến hiện tượng mất khả năng hoạt động Thần kinh. Như vậy cũng chẳng có gì khó hiểu khi các công nhân đội xây dựng số 12 gặp phải. Ngoài ra do ảnh hưởng của Quy luật " Đồng thanh tương ứng - Đồng Khí tương cầu ", hay là hiện tượng cộng hưởng Harmonic mà Thân nhân, dòng họ của những người công nhân đội xây dựng số 12 phạm phải , mặc dù họ không trực tiếp có mặt trên công trường. Đó là hiện tượng cũng dễ hiểu.

Có điều nguy cơ tiềm ẩn ở đây là : Nơi dòng Khí thoát ra sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với TP.HÀ NỘI ?. Đây là một vấn đề quan trọng cần có sự nghiên cứu nghiêm túc.

2. Trả lời cho câu hỏi : Tại sao sau khi có sự chấn yểm của Cao Biền,vùng đất dọc theo Long mạch kể từ chỗ bị trấn yểm trở nên cứng và ổn định hơn và từ đó về sau này ta không còn nghe có các vụ sụt lở đất ở khu vực dọc theo Long mạch tương tự nữa,ngoại trừ trường hợp đã xảy ra trên sông Tô Lịch, khi đạo Bùa trấn yểm đã được nhổ lên ?.

Tiếp tục phát triển tính nhất quán của phần trên : Khi đường Khí của Long mạch đã bị bế lại, nguyên Khí không thể tới được các vùng đất ở sau chỗ trấn yểm được nữa, và Nguyên Khí luôn có nước đi cùng nên lượng nước tới các vùng đó cũng bị giảm đi. Kết quả là vùng đất sau chỗ bị trấn yểm cứng lên, và kết cấu của Địa tầng, địa chất cũng trở nên ổn định hơn. Khi một vùng đất đã có địa tầng địa, chất ổn định thì tất yếu dẫn đến các vụ sụt lở đất khi xây dựng các công trình tự nhiên mất đi. Đó là một sự việc không có gì là bí ẩn trong nghệ thuật xây dựng hiện nay. Tại

công trình nạo vét sông Tô Lịch, khi đạo Bùn chấn yểm bị nhỏ lên, lập tức Nguyên khí bị phong tỏa ùa thoát ra ngoài với một tốc độ và lưu lượng vô cùng lớn, làm cho đất, đá của cả khu vực nhão ra như bùn, trở nên mất ổn định cục bộ. Ở đây ta cũng cần lưu ý rằng : Khi Nguyên khí thâm nhập vào lòng đất quá nhiều thì không chỉ đất, cát mà thậm chí cả đá hay các vật thể rắn khác đều trở thành bùn nhão, bởi tính chất của Nguyên khí khác với tính chất của nước. Ta cũng để ý rằng nơi nào mà nguyên khí ít ỏi hoặc không có vùng đó sẽ trở nên khô cằn, cây cối không thể phát triển được. Đó là trường hợp của các sa mạc, hoang mạc trên trái đất. Tại núi Ngự bình ở Huế cũng có trường hợp tương tự. Rất nhiều lần người ta tổ chức trồng cây trên núi Ngự bình song đều thất bại.

Như vậy, ta có thể kết luận rằng : Trong quá trình xây dựng Thành Đại la, Cao Biền gặp một vùng đất có kết cấu không ổn định nên đã thực hiện việc trấn yểm kể trên với mục đích làm cho đất cứng và ổn định hơn trước. Biện pháp thực hiện là dùng thủ pháp điểm huyết đất tương tự như thủ thuật châm cứu, điểm huyết trong đông Y. Ở đây còn có ý nghĩa sâu xa là trấn yểm các Long mạch, các huyết phát Đế Vương của đất Việt. Tuy nhiên vì có sự sai lầm về độ số hướng Tây nên sự trấn yểm không được trọn vẹn. Bằng chứng là Sông Tô Lịch vẫn còn tồn tại và chỉ thời gian ngắn sau này nước Việt đã giành được độc lập. Một dải Long mạch đã nói ở trên vẫn phát sinh ra những con người nổi tiếng, những vùng đất địa linh nhân kiệt như chùa Dâu, núi Yên tử, Đền Kiếp Bạc ...Một nguyên nhân nữa sau này, đã phá hoại sự linh thiêng của Long mạch là các việc san lấp của người Pháp, cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Không biết vô tình hay hữu ý, khi xây dựng TP.HÀ NỘI, người Pháp đã cho lấp mất khúc sông Tô Lịch, nơi đổ ra sông Hồng - Nay là các phố Hàng Buồm, Hàng Bạc, Cầu Gỗ... Và Nhà thờ lớn HÀ NỘI hiện nay đặt trên nền của Tháp Báo Ân ngày xưa...

Một dân tộc đã được thiên nhiên ưu đãi về Địa linh về Sinh khí phải suy nghĩ như thế nào về trách nhiệm bảo vệ và khai thác sức mạnh tâm sinh khí đó. Chúng ta cần phải có các chương trình đào tạo các bậc anh hùng, hào kiệt, những bậc hiền tài cho Đất nước, những vĩ nhân cho thế hệ mai sau. Ngày trước các bậc Thánh Đế, Minh Vương coi đó là trách nhiệm lớn nhất đối với non sông, đất nước.

3. Tôi xin tiếp tục lý giải câu hỏi thứ 3 :Hậu quả của việc rút bỏ Đạo Bùn đối với khu vực dọc theo sông Tô lịch nói riêng và cả HÀ NỘI nói chung.Số phận của Long mạch sẽ như thế nào ?Đây là một câu hỏi hết sức khó vì tính chất phức tạp của nó.Người viết xin mạo muội lý giải và rất mong được các bậc hiền tài trong và ngoài Diễn đàn góp ý,bổ khuyết hầu có thể tìm ra biện pháp tốt nhất khắc phục được hậu quả của Lịch sử.Tôi coi đây là trách nhiệm của tất cả mọi người chúng ta

Trước hết,ta xem xét hậu quả của việc Trấn yểm của Cao biền và những sự việc sẽ xảy ra khi rút bỏ đạo Bùn đối với khu vực sông Tô lịch và các vùng phụ cận.Hiện nay,tôi không có tài liệu nào chính thức về các biện pháp Trấn yểm đất của bộ môn Phong thủy.Chỉ biết rằng từ xa xưa đã có các hiện tượng trấn yểm của Mã viện (Trụ đồng Mã viện);các hiện tượng trấn yểm của Cao biền;các biện pháp dùng Bia đá để trấn yểm nhà,các tấm Bài ếm ở quanh khu vực Thất sơn (Cái ếm ở Bài Bài ,thuộc làng Nhơn hưng -Tịnh biên -Châu đốc ,cây ếm ở núi Nước)...

Để có thể hiểu rõ tính chất và hậu quả của việc trấn yểm,ta cần phải biết rõ lý thuyết trấn yểm và từ đó mới có thể khắc phục được tác hại của nó.Từ xưa,việc trấn yểm được coi là Thuật bí truyền của các thầy Địa lý ,không được tiết lộ ra ngoài,sợ lộ Thiên cơ.Do vậy mà lý thuyết về sự trấn yểm đến tận giờ phút này vẫn được coi là một cái gì đó huyền bí,ma thuật,không có tài liệu nào được truyền ra.Tuy nhiên theo nguyên lý Thiên -Địa -Nhân là một,ta có thể dùng Lý thuyết của Đông Y để tìm hiểu vấn đề này.Mặt khác,Thuyết Âm Dương,Ngũ hành với cơ sở là Hà đồ,Lạc thư là một công thức siêu Vũ trụ có thể lý giải tất cả các vấn đề từ Vi mô tới Vĩ mô,nó là Công thức Tổng quát của Vũ trụ mà khoa học ngày nay đang ao ước ,tìm kiếm.Tôi sẽ xin trở lại vấn đề này khi có dịp.Bây giờ ta trở lại Lý thuyết của Đông Y về Kinh,Mạch,Huyết,Lạc là một sự ứng dụng rất cụ thể và phong phú của Thuyết Âm Dương,Ngũ hành.Lý thuyết của Đông Y về Kinh,Mạch,Huyết ,Lạc rất phức tạp và có từ rất lâu đời,cuốn sách đầu tiên có thể là cuốn Hoàng đế nội kinh,có thời điểm khoảng 5000 năm.Tôi chỉ xin dẫn giải những gì cần thiết để chứng minh cho luận điểm của mình.

HỆ THỐNG KINH, MẠCH, HUYỆT, LẠC.

1/HUYỆT : Là nơi tập trung Khí huyết của Tạng phủ.Là nơi tập trung các cơ năng hoạt động của Tạng phủ.Mỗi Tạng phủ có các đường Kinh,Mạch,Lạc nằm ở những nơi cố định.Những Huyết lớn gọi là Khổng Huyết.Những Huyết bình thường gọi là Huyết. Kinh, Mạch, Huyết, Lạc làm nhiệm vụ dẫn cơ năng Tạng phủ từ trên xuống dưới,từ ngoài vào trong,từ dưới lên trên,từ trong ra ngoài,trong toàn bộ cơ thể con người.Trong cơ thể có một mạch Nhâm,một mạch Đốc,12 đường Kinh chính,cộng thành 14 Huyết Kinh.có 365 đường Kinh Lạc và 666 đường Kỳ Huyết.Hệ thống Kinh,Mạch,Huyết ,Lạc tiếp nhận Thiên khí,Địa khí,Thời khí,có tính chất Âm Dương Ngũ hành.Nhờ hệ thống trên,ta có thể tìm đến các chỗ đường Khí bị tắc mà đã thông cho thuận.Mỗi loại Bệnh tật đều có một số Huyết liên quan để ta có thể kích thích khi có bệnh.

2/Kinh :Là các đường dẫn Khí từ Huyết nọ tới Huyết kia.Các đường đó đi lắt léo,chồng chất qua rất nhiều chỗ;liên đới với các đường Kinh khác theo tính chất Âm Dương ,Ngũ hành,liên vận đến cả với Trời đất mà biến động sự sống,tinh thần con người,vì vậy mà gọi là Kinh.

3/Mạch :Nó là các Nguồn Mạch có Gốc chính đi ra.Nó đi khắp nơi,phân chia ra nhiều chỗ cần thiết,đến tận cùng của mọi nơi và sau lại trở về với chính Gốc.

4/Lạc: Nó là các đường của Kỳ huyết , nhiều hơn Kinh, Mạch, nhỏ hơn nhiều. Nó đi ngang, tắt ,chằng chịt, chi chít, khó tìm hơn. Nó giúp cho con người điều hòa Tâm sinh lý rất tốt, nó thường hay xuất hiện theo chu kỳ, dùng để định Tâm, an Lạc. Có lẽ vì vậy mà người ta dùng chữ An lạc?

Các đường Kinh lại chia ra các đường Kinh nội và ngoại.

*Nội kinh là phần kinh của 14 đường Kinh,Mạch chính,quan hệ với Tạng phủ,chuyển dần sang các chi nhánh,Kinh Cân Âm và Kinh Cân Dương.Nội Kinh liên quan đến các tương quan,phản xạ,phát sinh Ngoại giao cảm,giữa Linh hồn,Vía,Phách và thể xác.

* Ngoại Kinh :Là những kỳ huyết để bổ xung cho các Kinh chính ,khi cần thiết dùng cho lúc nguy cấp.Ví dụ cụ thể như :có người đã bị chết lâm sàng,tiêm,chích thuốc

theo Tây Y không được, nhưng dùng Đông Y có khi chỉ cần bấm, day, châm, cứu Huyệt thì bệnh nhân có thể sống lại được. Có rất nhiều kỳ Huyệt mà tùy trường hợp có thể hút Linh hồn của người mới chết, trở về nhập vào cơ thể. Ngoại Kinh bao gồm cả nội quan thân thể. Có nhiều Kỳ huyệt nhạy bén, rất công hiệu, có thể cứu mệnh con người, trong nhiều trường hợp nguy cấp. Đời thường từ xưa đã từng chữa bệnh cứu người bằng phương pháp này, song họ vẫn cho đó là Thần bí.

Tóm lại có 2 Mạch chính là Nhâm, Đốc; 12 đường Kinh chính, 15 đường Mạch Lạc, và vô số Huyệt.

Xin nói thêm về Huyệt: Có các Huyệt hợp và các huyệt Giao hội, đó là các giao hội với các Kinh Dương và âm. Có các loại Huyệt là Du huyệt, Mộ huyệt, Nguyên huyệt, Lạc huyệt, Khích huyệt.

Trong Võ thuật còn truyền lại các Huyệt Thần đạo Võ thuật. Theo người viết được biết: Có 36 Huyệt đạo Kinh, nếu vô tình hay hữu ý tác động vào thì bất cứ Huyệt nào trong số 36 Huyệt này đều có thể gây ra chết người. Các Huyệt đó rất nguy hiểm nên còn gọi là tử Huyệt. Ngoài ra còn có 72 Huyệt đạo Kinh phụ. Nếu tác động vào bất cứ Huyệt nào trong số những Huyệt này đều có thể gây tàn phế, tật nguyên, rất khó chữa trị. Đây là yếu hại Huyệt hay còn gọi là Nạn Kinh. Người viết chỉ sơ qua vài nét về Thần đạo Võ thuật cho dễ hiểu thêm về tầm quan trọng của Huyệt với Linh hồn và cơ thể con người. Khi tác động vào tử Huyệt, các yếu hại Huyệt chính là bất ngờ dùng lực phá hủy hệ thống Kinh, Mạch, làm tan rã các kết nối giữa Linh hồn và cơ thể con người. Các hệ thống khác như Kinh, Mạch, Huyệt, Lạc, gắn kết lực phủ, ngũ tạng của cơ thể lập tức bị rối loạn, mạnh thì dẫn đến tử vong, nhẹ thì dẫn đến tàn phế, tật nguyên, rất khó chữa trị. Thần đạo Võ thuật gọi là Huyệt đạo kinh có liên hệ đến các Luân xa.

Theo nguyên lý "Con người là tiểu Vũ trụ" thì Âm Dương, Ngũ hành được phản ánh trong Đông Y rất rõ rệt. Các đường Kinh thứ nhất: Can - Đờm, Tâm - Tiểu trường, Tỳ - Vị, Phế - Đại trường, Thận - Bàng quang là năm cặp đại diện cho Ngũ hành. Ngoài ra còn hai đường Kinh bổ xung là Kinh Tâm bào và Kinh Tam tiêu. Tổng cộng 12 Kinh gọi là đường Kinh chính. Hai đường Kinh Tâm bào và Tam tiêu không có thành phần riêng của mình nên phải lấy từ các thành phần khác làm thành phần của mình.

Mặt khác Kinh Tam tiêu được xem là Cha của các đường Kinh Dương, còn Kinh Tâm bào được xem là Mẹ của các đường Kinh Âm.

Kinh Tâm bào có nhiệm vụ đặc biệt là bảo vệ Kinh Tâm.

Kinh Tam tiêu có nhiệm vụ đặc biệt là làm sứ giả của Mệnh Môn Hỏa. Mang Mệnh Môn Hỏa đến các vùng Thượng tiêu, Trung tiêu, Hạ tiêu.

Các đường Kinh được chia ra làm hai nhánh: Nhánh trái thuộc Dương (đối ứng với Bán cầu não Phải), nhánh phải thuộc Âm (đối ứng với Bán cầu não trái).

Từ đó các Huyệt được chia ra: Huyệt phía trái thuộc Dương, Huyệt phía Phải thuộc Âm.

Từ Lý thuyết về Đông Y như trên ta theo nguyên lý Thiên - Địa - Nhân hợp nhất rút ra Lý thuyết trong Phong thủy áp dụng cho Long, mạch như sau:

Thuyết Phong thủy với cả hai phần Âm và Dương trạch quan niệm con người có quan hệ hữu cơ với Trời ,Đất, cả khi sống và cả sau khi chết (Huyệt mộ có thể ảnh hưởng đến nhiều đời con cháu sau này).

1/Về Thiên :Chấp nhận có Sinh khí giáng xuống (gọi là Dương giáng) trên các đỉnh núi cao.Thừa nhận ảnh hưởng của các Vì Sao ảnh hưởng đến con người.Sự tương tác của các lực vũ trụ ảnh hưởng theo thời gian,với con người khác nhau.Ảnh hưởng theo chu kỳ của 9 hành tinh trong Hệ Mặt trời,được đại diện bởi Cửu tinh đồ xoay chuyển theo Quỹ đạo của HÀ ĐỒ (không như quan niệm của cổ văn chữ Hán từ trước đến nay là theo quỹ đạo LẠC THU' -Khi có điều kiện người viết xin trở lại vấn đề này).Phải chăng 9 Sao và Hạn (La hầu,Thổ tú,Thủy diệu,Thái bạch,Thái dương,Vân hớn,Kế đô,Thái âm,Mộc đức và Tam kheo,Ngũ hộ,Thiên tinh,Toán tận,Thiên la,Địa võng,Diêm vương,Huỳnh tuyền)ảnh hưởng tuần hoàn theo chu kỳ sinh học của con người là Đại lượng đo lường ảnh hưởng sự tương tác của 9 hành tinh trong Hệ Mặt trời đối với con người.Còn Cửu tinh đồ là đại lượng đặc trưng của sự tương tác các hành tinh trong Hệ Mặt trời với từng cuộc đất.

Ngoài ra còn ảnh hưởng của hệ Nhị Thập Bát tú tới từng cuộc đất.

2/Về Địa :Chấp nhận có Sinh khí (Còn gọi là Long)chảy theo các mạch nước,tụ lại,và THĂNG lên (bởi lẽ Âm thăng,Dương giáng).Ta thử suy luận một chút về danh từ THĂNG LONG :Đó là khí Âm thăng lên -THĂNG LONG.ĐÂY MỚI THỰC LÀ Ý NGHĨA CỦA DANH TỪ THĂNG LONG (chứ không như người ta đồn đại Vua Lý Công Uẩn thấy Rồng bay lên và đặt tên kinh đô là THĂNG LONG).Ta cũng nói thêm rằng Khí làm cho Kinh đô THĂNG LONG phát triển mạnh mẽ về sau này là Khí Âm -Địa khí .

3/Về Nhân :Có thể xác định được Âm phần,Dương phần,Họa,Phúc,Mệnh,Thân của từng con người.

Bây giờ xin các bạn nhìn lên Bản đồ Việt nam phần Bắc bộ.

Các bạn hãy đánh dấu vào các địa danh sau :Trước hết là các dãy núi cao vút của các tỉnh Lai châu,Sơn la,Hòa bình,tới dãy Tam đảo ,dọc theo sông Tô lịch ngày xưa,đi tiếp tới Cổ loa,kéo dài đến sông Đuống,sông Thái bình,ra tới Quảng ninh và chìm xuống Vịnh Hạ long.Ta nối tất cả các điểm trên thành một đường.Đường cong đó chính là nhánh Thanh long của đồng bằng Bắc bộ.Theo phân tích ở phần trên ta biết rằng Thanh long thuộc Dương.Đây cũng chính là một Long mạch có hành Khí Dương .Các Huyệt nằm trên nhánh Thanh long đều có hành khí Dương.

Bây giờ ta tiếp tục đánh dấu những địa danh sau :Xuất phát cũng từ những dãy núi cao chót vót của các tỉnh Lai châu,Sơn la,Hòa bình ,đi tới dãy núi Ba vì,qua cầu Hàm Rồng,theo sông Lam và dãy núi Hồng Lĩnh đổ ra biển.Nối các địa danh đó lại thì đường cong đó chính là nhánh Bạch Hổ của Đồng bằng Bắc bộ.Nhánh Bạch hổ thuộc Âm,do vậy Long mạch này có hành khí Âm.Các Huyệt nằm trên nhánh Bạch hổ đều có hành khí Âm

Đến đây ta đã có thể hình dung được hai nhánh Thanh long, Bạch hổ của Đồng bằng Bắc bộ. Nhánh Thanh long sau sự Trấn yểm của Cao biên và sau này là sự san ủi của người Pháp đã bị bế Khí rất nhiều.Tuy nhiên do sự sai lầm của Cao biên

về độ số của cung Đoài nên sự trấn yểm đó không hoàn thiện.Theo các cổ thư chữ Hán ,cung Đoài có độ số là 7 -ứng với phương Tây .Đây là độ số của Lạc thư.Chính vì vậy mà Cao biền mới Trấn yểm 7 cây cọc,theo đúng độ số của phương Tây.Tuy nhiên ,theo hiểu biết của người viết và kết hợp với một số kinh nghiệm của một số tiên bói về Phong thủy ở vùng đất Phong châu ngày xưa (nay là tỉnh Phú thọ -Kinh đô của các Thời đại Hùng vương) thì độ số của phương Tây không phải là như vậy.Theo người viết,trong các vấn đề về Phong thủy thực hiện trên trái đất này phải dựa vào Hà đồ và độ số của Hậu thiên Bát quái mới chính xác.Khi đặt độ số của Hậu thiên Bát quái lên Hà đồ ta có một vòng tương sinh theo chiều thuận kim đồng hồ .Theo chiều từ phương Bắc,Đông Bắc,Đông,Đông nam,...tới Tây,tây bắc và trở lại về Bắc ta có các độ số như sau :1-8-3-2-7-4-9-6.

Ta vẫn biết rằng :1 -là hành Dương Thủy.

6 -Là hành Âm Thủy.

8 -Là hành Âm Mộc.

3 -là hành Dương Mộc.

2 -là hành âm Hỏa.

7 -là hành Dương Hỏa.

5 - là hành Dương Thổ.

10 -là hành Âm Thổ.

4 -là hành Âm Kim.

9 -là hành Dương Kim.

Theo chiều thuận kim đồng hồ ta có các hành tương sinh với nhau như sau :Thủy (6-1)sinh Mộc (8-3)sinh Hỏa (2-7)sinh Thổ (10-5)sinh Kim (4-9) và lại trở về hành Thủy.Tôi không đi sâu vào việc chứng minh Lý thuyết trên vì nó khác với tất cả các cổ văn chữ Hán từ xưa cho đến tận ngày hôm nay.Điều quan trọng là nếu Cao biền ngày xưa biết được điều này,thì giờ đây có thể chúng ta chỉ còn nghe danh sông Tô lịch trong Huyền sử.

Trở lại vấn đề trên sông Tô lịch,sau khi Cao biền Trấn,yểm dòng sông cứ càng ngày càng nhỏ lại,kết hợp với sự san lấp của người Pháp sau này,dòng sông Tô,trước chảy ra sông Hồng ở cửa Hà khẩu,nay bị chặn lại từ khúc Thụy Khê ra tới sông Hồng.Kể từ đó sông Tô lịch phải đổi dòng chảy ngược lại.Hiện nay sông Tô lịch chỉ còn chảy từ khu vực Phường NGHĨA ĐỒ -QUẬN CẦU GIẤY -HÀ NỘI,theo thuận dòng chảy (Ta nhớ lại sự kiện trước Thành Luy lâu có dòng Nghịch thủy) chảy ra sông Nhuệ và cuối cùng mới đổ ra lại sông Hồng.Như vậy hiện nay,dòng chảy của sông Tô lịch đi theo nhánh Bạch hồ đã nêu trên (Thay vì chảy theo nhánh Thanh long như ngày xa xưa).Nhánh Thanh long thuộc Dương khí,đã bị ngăn,bé phần lớn nên từ khi đó cho tới nay chỉ có rất ít anh hùng hào kiệt được sinh ra ở khu vực dọc theo đường đi của nó.Ngược lại ,nhánh bạch hồ từ xưa cho đến nay ta chưa nghe có vụ trấn yểm nào được thực hiện,ngoài trường hợp cũng do Cao biền chê là vùng đất Thanh hóa,Nghệ an có một con rồng (Long mạch)nhưng bị què nên không tiến hành trấn yểm.Hai nhánh Thanh long và Bạch hồ có cùng nguồn xuất phát từ Tô sơn,nay nhánh Thanh long bị chặn lại một phần lớn nên gần như toàn bộ Nguyên khí được dẫn theo đường nhánh Bạch hồ.Theo nhận xét của người viết,kể từ đó về sau này,Thành Đại la bị mất Dương khí nên chẳng bao lâu bị xóa bỏ và thay vào đó là Thành Thăng long được xây dựng dựa trên khí Âm của nhánh Bạch hồ.Ta cũng để ý thấy một điều rất rõ ràng rằng :Trải qua hơn một ngàn năm từ khi có sự Trấn yểm của Cao biền,các vị Vua,tướng tài giỏi,các bậc hiền tài

của Đất nước đều có nguồn gốc từ các vùng đất thuộc nhánh Bạch hổ mà ra. Các bạn có thể kiểm chứng điều này qua Lịch sử.

Tới câu hỏi cuối cùng trong bài viết này, người viết tự nhận thấy vượt quá khả năng của mình nên rất mong đợi sự đóng góp của các Cao nhân, tiền bối trong và ngoài nước, ngõ hầu có thể cứu lấy một dòng Nguyên khí của Đất nước. Các câu hỏi đó là :Sau khi rút đạo Bùa Trấn yểm của Cao biền lên, Nguyên khí bị thoát ra sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với Thủ đô HÀ NỘI nói riêng và Đất nước này nói chung ??? Có thể hàn lại Long mạch như Thượng tọa THÍCH VIÊN THÀNH đã làm không ? Khi Long mạch đã được phục hồi sẽ xảy ra hiện tượng gì tiếp theo ? Có thể lại xảy ra hiện tượng sụt lở đất như ngày xưa không ?

Còn rất nhiều câu hỏi tiếp theo chủ đề này. Người viết xin tạm dừng ở đây và mong mỗi sự đóng góp của tất cả những người có lòng thương yêu Quê hương xứ sở, thương yêu Đất THẮNG LONG ngàn năm văn vật, là món quà có ý nghĩa mừng Sinh nhật 1000 năm THẮNG LONG -HÀ NỘI.

Trong bài viết, tôi có sử dụng một số Tài liệu của Giáo sư NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG, ĐOÀN VĂN THÔNG, Ân sĩ PHƯƠNG -Nghệ an , Ân sĩ Lý Thiên Hương -Đức thọ Hà Tĩnh và một số tài liệu của các Ân sĩ tỉnh PHÚ THỌ -Xin trân trọng cảm ơn

Tôi đã xác minh lại nguồn tin này; Theo Thượng tọa Thích HUỆ Xương -Chùa Giác Lâm _Quận Tân bình -TP.HCM :Thượng tọa THÍCH VIÊN THÀNH đã viên tịch khoảng hơn một tháng sau khi làm lễ cúng HÀN LONG MẠCH tại sông Tô lịch, nguyên nhân chết theo Y học là xuất huyết não. Thượng tọa THÍCH VIÊN THÀNH là chủ trì chùa Hương.

Giải thích thêm: Mỗi một Huyệt vị có thời gian đóng và mở riêng của nó -Tức là thời gian ứng nghiệm. Khi muốn tác động vào một Huyệt vị nào đó cần phải đúng thời gian đóng hoặc mở của nó mới có tác dụng. Khi dùng thủ thuật Trấn (đè lên)Yểm (Chôn xuống)cho thay đổi kết cấu của cả một vùng đất để có thể xây dựng cả một Kinh thành thì sự hiểu biết phải vô cùng chính xác. Tiếc rằng kinh nghiệm này không được phổ biến rộng rãi nên thất truyền lần lần . Mà đó cũng là một điều may mắn cho Nhân loại vì nếu ai cũng có thể làm được thì Trái đất chúng ta sẽ đi về đâu? Tuy nhiên trong Lịch sử cũng chỉ ra rằng có rất nhiều người có khả năng đó. Bạn có thể tham khảo trong các truyền thuyết Lịch sử -Tất nhiên vì chỉ có những người Trấn yểm mới biết, những sự việc được ghi nhận là do kể lại nên mất tính chất trung thực . Tuy nhiên ,không thiếu dẫn chứng trong lịch sử nhắc đi nhắc lại vấn đề đó.

Tôi xin nêu thêm một vấn đề quan trọng có liên quan đến sự Trấn hoặc yểm sau này. Đó là hành Khí của khu vực bị Trấn yểm và độ số của nó. Theo nhận xét của riêng người viết, khu vực đó thuộc phía Tây của La thành nên có hành Khí là Dương kim và độ số của nó là 9. Như vậy ta cũng thấy rằng khi tiến hành trấn yểm, Cao biền cũng biết rất rõ điều đó , chỉ có sai lầm về độ số của phương Tây . Theo sách cổ chữ Hán đến tận ngày hôm nay, phương Tây thuộc Kim và có độ số theo Lạc thư là 7. Đó là sai lầm cơ bản của cổ thư chữ Hán và tất nhiên khi ứng dụng thì Cao biền sẽ sai theo. Theo người viết được biết, tại một số vùng của đất Phong châu ngày xưa, các nhà Phong thủy vẫn áp dụng tính độ số khi ứng dụng những việc cụ thể trong Phong thủy theo Hà đồ và số của Hậu thiên Bát quái. Như

vậy theo người viết, phương Tây có hành Khí Dương Kim và độ số là 9 mới chính xác. Lạc thư và độ số Tiên thiên Bát quái chỉ áp dụng cho những vấn đề có tầm vóc Vĩ mô như khi tính toán các dải Ngân hà, Thiên hà, có tầm vóc Vũ trụ. Để có thể trấn được khu vực bị hở của Long mạch, theo thiên ý của người viết, nên dùng hình thức Trấn - Tức là đề lên vùng bị hở theo đúng quy luật Âm dương Ngũ hành. Ta có thể dựng một cây cầu Sắt có 9 nhịp hay 9 cột sắt, hoặc có cái gì đó có biểu tượng cho số 9 đề lên khu vực đã rút đạo Bùa. Theo những tin tức gần đây nhất, sự phát sinh các việc kỳ lạ như đã nêu ở trên, cũng chỉ gói gọn như những việc đã xảy ra. Như vậy ta thấy rằng Long mạch không còn thoát Khí ra nữa. Nguyên nhân là Khu vực đó qua thời gian bị phong tỏa, bế Khí quá lâu (Gần 1200 năm), luồng Nguyên khí đã có sự thay đổi, cũng không loại trừ đã có sự trấn, yểm lại của một số nhà Phong thủy tài ba giấu mặt. Tôi từng chứng kiến một vài lần khai mở những Huyệt đạo bị Trấn yểm của các nhà Phong thủy Việt nam ẩn danh. Ta cũng nhận thấy rằng (không biết có phải do trùng hợp hay không): Kể từ ngày đạo Bùa được Khai mở, vùng dọc theo nhánh Thanh long đã phát triển rất mạnh mẽ. Từ rất lâu đời, các vùng này là khu vực Nông thôn lạc hậu, nay đã vươn mình trở thành hàng loạt khu chế xuất hiện đại.

Trở lại vấn đề trên sông Tô lịch, sau khi Cao biền Trấn, yểm dòng sông cứ càng ngày càng nhỏ lại, kết hợp với sự san lấp của người Pháp sau này, dòng sông Tô, trước chảy ra sông Hồng ở cửa Hà khẩu, nay bị chặn lại từ khúc Thụy Khê ra tới sông Hồng. Kể từ đó sông Tô lịch phải đổi dòng chảy ngược lại. Hiện nay sông Tô lịch chỉ còn chảy từ khu vực Phường NGHĨA ĐỒ - QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI, theo thuận dòng chảy (Ta nhớ lại sự kiện trước Thành Luy lâu có dòng Nghịch thủy) chảy ra sông Nhuệ và cuối cùng mới đổ ra lại sông Hồng. Như vậy hiện nay, dòng chảy của sông Tô lịch đi theo nhánh Bạch hổ đã nêu trên (Thay vì chảy theo nhánh Thanh long như ngày xưa). Nhánh Thanh long thuộc Dương khí, đã bị ngăn, bế phần lớn nên từ khi đó cho tới nay chỉ có rất ít anh hùng hào kiệt được sinh ra ở khu vực dọc theo đường đi của nó. Ngược lại, nhánh bạch hổ từ xưa cho đến nay ta chưa nghe có vụ trấn yểm nào được thực hiện, ngoài trường hợp cũng do Cao biền chèn là vùng đất Thanh hóa, Nghệ an có một con rồng (Long mạch) nhưng bị què nên không tiến hành trấn yểm. Hai nhánh Thanh long và Bạch hổ có cùng nguồn xuất phát từ Tô sơn, nay nhánh Thanh long bị chặn lại một phần lớn nên gần như toàn bộ Nguyên khí được dẫn theo đường nhánh Bạch hổ. Theo nhận xét của người viết, kể từ đó về sau này, Thành Đại la bị mất Dương khí nên chẳng bao lâu bị xóa bỏ và thay vào đó là Thành Thăng long được xây dựng dựa trên khí Âm của nhánh Bạch hổ. Ta cũng để ý thấy một điều rất rõ ràng rằng: Trải qua hơn một ngàn năm từ khi có sự Trấn yểm của Cao biền, các vị Vua, tướng tài giỏi, các bậc hiền tài của Đất nước đều có nguồn gốc từ các vùng đất thuộc nhánh Bạch hổ mà ra. Các bạn có thể kiểm chứng điều này qua Lịch sử.

Tới câu hỏi cuối cùng trong bài viết này, người viết tự nhận thấy vượt quá khả năng của mình nên rất mong đợi sự đóng góp của các Cao nhân, tiền bối trong và ngoài nước, ngõ hầu có thể cứu lấy một dòng Nguyên khí của Đất nước. Các câu hỏi đó là: Sau khi rút đạo Bùa Trấn yểm của Cao biền lên, Nguyên khí bị thoát ra sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với Thủ đô HÀ NỘI nói riêng và Đất nước này nói chung ??? Có thể hàn lại Long mạch như Thượng tọa THÍCH VIÊN THÀNH đã làm không? Khi Long mạch đã được phục hồi sẽ xảy ra hiện tượng gì tiếp theo? Có thể lại xảy ra hiện tượng sụt lở đất như ngày xưa không?

Nhận thấy khả năng là do Cao Biền trấn yểm là cao hơn cả. Trong các tài liệu cổ lưu lại thì: Cao Biền được vua Đường Trung Tông phong làm An Nam Tiết Độ Sứ, sang đô hộ nước ta. Cao Biền là một nhân vật rất giỏi về khoa địa lý, nên trước khi đi sang nước ta nhậm chức, vua Đường Trung Tông đòi vào triều ủy thác sứ mệnh cho Cao Biền phải tìm các nơi thủy tú sơn kỳ trên đất nước ta, nơi nào có Long Mạch lớn, có huyết kết tốt thì phải yểm phá, và lập bản tấu thư về cho vua Đường Trung Tông biết. Sau khi sang nước ta, Cao Biền vận dụng hết khả năng và thời gian đi khắp các nơi để Tầm Long Điểm Huyết. Chính Cao Biền cũng không ngờ trên một đất nước nhỏ bé như nước ta lại có nhiều Long Mạch lưu tụ và khí thế sông núi ưu tú đến như vậy. Nên Cao Biền không viết tấu thư mà viết hẳn một cuốn sách tựa đề là "Cao Biền tấu thư địa lý kiểu tự" gởi về tấu trình. Mặt khác Cao Biền lại tìm cách trấn yểm và phá hủy những Long Mạch lớn, phát vương tướng. Xin trích một số đoạn trong sách này cho các quý vị tham khảo:

" Giao Châu Đô hộ Sứ, thần Cao Biền cần tấu vi bản châu địa mạch thế hình thế sự, thần hạnh phát dư sinh thao ty hà những, thượng tự thâm sơn, hạ hạ chi đại hải, ngưỡng quan phủ sát, phát tận chân cơ, ký tự thiên hữu, cảm bắt khánh kiệt sở kiến văn, thượng tự đế vương, vương công, công hầu, vương phi, thứ thần đồng, tú tài, vị chi thị phủ, phục khát phủ lẫm giáo quan chi khí, kiến văn cụ lục.

HÀ ĐÔNG

THANH OAI:

_ Đệ nhất: THANH OAI phong
_ Ấp trung Thanh Uy, hình thế tối kỳ
Thủy lưu tứ vượng, án khởi tam qui
Mạch tòng hữu kết, khí định tả y
Thần đồng tiền lập, quỹ xứ hậu tỳ
Khôi khoa tảo chiếm, phúc lộc vĩnh tụy
Tu phong mạch tận, thừa tự vô nhi.

_ Đệ nhị: CAO XÁ phong
_ Thanh Oai Cao Xá, chân vi quý long
Thủy khuê tùy mạch, bình dương lai tung
Hoa khai hữu hổ, tinh hiện tả long
Sơn thủy trừ mật, khí thế sung giông
Hà tu hợp hải, ngưư giác loan cung
Chủ khách hoàn mỹ, tả hữu vô tòng
Hoa tâm khả hạ, thế xuất anh hùng
Văn khôi hoa giáp, võ tổng binh nhung
Phú quý thọ khảo, kiêm hữu kỳ công.

....."

=>

Giao Châu Đô hộ Sứ, thần Cao Biền kính cần tâu: Bản châu địa thế như vậy, thần nguyện đem hết kiếp sống thừa, từ tận núi cao ra đến biển cả khảo nghiệm để biết các cuộc đất phát lớn từ vương tôn công hầu, đến thần đồng, tú tài, khoa đệ, giàu sang phú quý mọi thứ... làm bản tấu ca dâng lên tường tận

HÀ ĐÔNG

THANH OAI:

1/. Cuộc đất Thanh Oai:

Trong ấp Thanh Oai, hình thế rất lạ

Thủy vượng bốn phương, án phát tam qui
Mạch kết bên hữu, khí dựng phía tả
Thần đồng đứng trước, quý sứ nổi sau
Bảng vàng sớm chiếm, phúc lộc dồi dào
Nên phòng mạch tận, không con nổi dòng.

2/. Cuộc đất Cao Xá:

Thanh Oai Cao Xá, thật có quý địa
Nước khe theo mạch, về nơi đất bằng
Hoa nở bên Bạch Hổ, sao hiện bên Thanh Long
Sơn thủy dồi dào, khí thế sung mãn
Cần gì hợp biểu, ngưư giác loan cung
Chủ khách đều tốt, tả hữu một lòng
Lòng hoa rộng mở, thế phát anh hùng
Văn chiếm đầu bảng, võ chiếm nguyên hung
Sống lâu phú quý, lập nhiều kỳ công.

.....

Theo quyển "Tấu thư địa lý kiểu tự" Cao Biền ghi tất cả là 632 huyệt chính, và 1517 huyệt bàng trên khắp các tỉnh như :

_ Hà Đông: 81 chính- 246 bàng

_ Sơn Tây: 36 chính- 85 bàng

_ Vĩnh yên

Phú Yên 65 155

Phú Thọ

_ Hải Dương

Hưng Yên 183 483

Kiến An

_ Gia Lâm 134 223

Bắc Ninh

Đáp Cầu

Bắc Giang

Lạng Sơn

_ Hà Nam

Nam Định 133 325

thái Bình

Ninh Bình

Theo thống kê trên, cũng đủ thấy công phu Tầm Long Điểm Huyệt và trấn yểm của Cao Biền đến bực nào rồi. Các truyền thuyết về Cao Biền còn lưu lại rất nhiều trong dân gian Việt Nam ta. Như ở Phú Yên, tương truyền có mỏ Cao Biền ở đó, đây là một độn cát nơi chân núi dưới biển. Độn cát không lớn lắm, nhưng không bao giờ san bằng được vì bốn mùa gió cát vun lên. Dân trong vùng có câu phong dao:

Ngó lên hòn núi cả thấy mỏ Cao Biền

Thấy đôi chim nhạn đang chuyền hành mai.

Theo truyền thuyết thì từ thuở xa xưa, Cao Biền đã vun biểu tượng mỏ để trấn yểm dân Việt Nam. Vì thuật địa lý giỏi nên ông ta đã tìm một nơi bốn mùa cát vun để ngôi mỏ đó không bị mất đi.

Trong quyển "Địa dư bình Định" của ông Bùi Văn Lãng viết từ năm 1930 cũng có đề cập đến di tích Cao Biền như sau: "Đọc theo đường QL số 1 chạy ra đến Phù Cát có đá Cao Biền. Đó là một cái thềm thời xưa Cao Biền trấn yểm. Thềm ấy bằng đá và chôn rất sâu. Thuở xưa dân làng đã có nhiều lần thuê voi về nhổ, nhưng nhổ không lên".

Ở Phù Mỹ, đường đi Đền Gia có một cụm núi nhỏ, cách đó không xa, lại có một hòn đá lớn nổi lên rất ngộ nghĩnh. Theo truyền thuyết thì đó là nơi Cao Biền đã dùng phép trấn yểm thuở xưa. Phải dẫn giải dài dòng như thế là vì đưa ra một ý hơi khác với tác giả bài viết về vụ sông Tô Lịch. Việc trấn yểm nơi sông Tô Lịch thì sắc xuất là do Cao Biền làm là cao hơn cả (tức là không phải không có khả năng khác đâu), nhưng chưa hẳn là ông ta tính toán sai lầm. Bởi chúng ta không phải là người sống thực thời đó, trong tài liệu cổ cũng không lưu lại gì nhiều về giai đoạn đó của Cao Biền, chỉ là những truyền thuyết trong dân gian. Nhưng tất cả những truyền thuyết ấy đều nói lên một điều: Bản thân Cao Biền là một nhà địa lý giỏi, nhưng không thể mang danh Phong Thủy Đại Sư! Vì sao? Vì một người Tầm Long Đỉnh Huyệt, cái quý là trân trọng, giữ gìn những kho tàng quý giá mà thiên nhiên đã tạo ra ấy. Long Mạch chính là cái Tinh Hoa của Đại Địa hun đúc nên, có khi nó chỉ là ở một dãy núi kết thành, có khi lại xuất phát từ Tổ sơn ở tí xa, khí thể liên miên bất tận, trùng trùng điệp điệp kéo dài cả mấy chục, thậm chí vài trăm cây số mới kết nên một Đại Long Mạch. Một bậc Đại Sư Phong Thủy cho dù với lý do gì thì cũng không nỡ nào phá hủy nó. Chúng ta thôi không bàn đến tư cách đạo đức của Cao Biền, chỉ nói cái tài, thì ông ta quả thật có tài. Qua bản tấu thư của ông ta cũng thấy ông ta nghiên cứu rất tường tận về địa hình địa lý nước ta. Một người đã bỏ công soạn thảo chi ly từng huyệt mạch như ông ta thì không thể có việc tính toán sai lầm như vậy được.

Việc lý giải các Huyệt, Mạch trong Phong Thủy qua hình tượng đơn giản cho dễ hiểu là kinh mạch trên cơ thể người. Và việc trấn yểm trong Phong Thủy không hẳn là chặn, ngăn dòng khí mà có thể sử dụng nó để làm tiết khí Long Mạch. Khi một Long Mạch bị thoát khí thì kể như đó là vùng đất chết vậy. Muốn hóa giải, người thầy địa lý phải thật giỏi, nghiên cứu kỹ hình thể địa lý nơi đó mà cải tạo lại. Bởi Phong Thủy không thể thay đổi hình cục của thiên nhiên được (nếu được thì ngày xưa giờ có lẽ không có chuyện thay triều hoán vị rồi). Người thầy Phong Thủy phải dựa vào bố cục có sẵn của thiên nhiên, cải tạo làm sao cho không mất đi cái gốc ban đầu, mà chỉ sửa sang nó, bổ sung nó (như làm dòng nước chảy êm ái hơn mà không phải đào xẻ rộng lòng sông).

Trở lại với vấn đề sông Tô Lịch, có lẽ tác giả bài viết có sự nhầm lẫn về độ số cung Đoài chẳng? Bởi số 9 Dương Kim như lời tác giả nói thì ời thôi, đi lệch với định hướng trong Phong Thủy... hơi bị xa rồi. Trong lần tiếp về các số sinh, số thành, tức là các số 1, 2, 3, 4, 5 là số sinh; 6, 7, 8, 9, 10 là số thành, cỡ lẽ tác giả dựa theo đặc trưng của Hà Đồ:

Số 1 & số 6 ở phương Bắc hành Thủy

Số 2 & 7 Nam Hỏa

Số 3 & 8 Đông Mộc

Số 4 & 9 Tây Kim

Số 5 & 10 ở trung ương thuộc hành Thổ.

Đây là dựa theo các chấm trên lưng con Long Mã trên sông Hoàng Hà. Các chấm trắng tượng trưng cho số Trời, là số Dương: 1, 3, 5, 7, 9. Các chấm đen tượng trưng cho Đất, là số Âm: 2, 4, 6, 8, 10.

Vì vậy Kinh Dịch nói: Thiên 1, Địa 2, Thiên 3, Địa 4..... Địa 10, Thiên số 5, Địa cũng số 5. Cái mà Hà Đồ phản ánh chẳng qua là kết cấu không gian của vũ trụ, lấy quả đất làm trung tâm.

Theo Lạc Thư, thì số 1 Thủy ở phương Bắc, số 2 Thổ ở phương Tây Nam, số 3 Mộc ở phương Đông.... cho đến số 9 Hỏa ở phương Nam. Và các nhà Dịch học đã vẽ ra ô vuông Lạc Thư. Đem ô vuông Lạc Thư ra đối chiếu, ta thấy nó rất hợp với phương hướng trên trái đất, như hướng Bắc bên dưới, theo chiều kim đồng hồ chuyển đi, ta thấy kế đó là hướng Đông Bắc, rồi đến Đông, rồi Đông Nam.... cho giáp vòng đến Tây Bắc. Đây cũng chính là trùng hợp với Hậu Thiên Bát Quái_ tương truyền của vua Văn Vương nghĩ ra_ đem hai đồ hình lồng vào nhau, ta có: 1 Khảm, 2 Khôn, 3 Chấn, 4 Tốn, 5 ở trung tâm, 6 Càn, 7 Đoài, 8 Cấn, 9 Ly.

Thực ra theo Hà Đồ, ta có:

Thiên 1 hợp Địa 5 sinh thành 6, nên nói 1 & 6 ở phía Bắc

Thiên 3 hợp Địa 5 sinh thành 8, nên nói 3 & 8 ở phía Đông

Địa 2 hợp Thiên 5 thành 7, nên nói 2 & 7 ở phía Nam

Địa 4 hợp Thiên 5 thành 9, nên nói 4 & 9 ở phía Tây

Hai số Trời là số sinh, nên lấy nó để định hướng.

1 ở chính Bắc thì 9 ở chính Nam, hai số hợp nhau thành 10.

3 ở chính Đông thì 7 ở chính Tây, hai số hợp nhau thành 10.

(Sở dĩ chọn số 5 làm số để cộng vì theo quan niệm xưa, số 5 là con số chủ, tượng trưng cho vạn vật trong trời đất. Như người thì có Ngũ quan- Ngũ tạng- Ngũ hình tướng...; vũ trụ thì có 5 loại hình vật chất là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ....vv....nên số 5 thay cho vũ trụ Thiên Địa làm con số cộng thêm vào vậy)

Như đã biết 1, 3, 7, 9 là số Dương, là số Trời.

2, 4, 6, 8 là số Âm, là số Đất.

Sự vận hành của Thiên Địa theo phương hướng ngược lại với nhau, Thiên quay sang trái, Địa quay sang phải. Số liên tiếp của Thiên là quay sang trái, do đó số liên tiếp của Địa phải quay sang phải. Tức là :

6 ở bên phải của chính Bắc, 4 ở bên phải của chính Nam, hai số hợp lại bằng 10

8 ở bên phải của Đông, 2 ở bên phải của Tây, hai số hợp lại thành 10

Như vậy phương vị của 8 số đã hoàn toàn được xác định, hoàn toàn ăn khớp với ô vuông Lạc Thư. Tác giả bài viết đó nói Dương Kim là 9, Âm Kim là 4 thực sai lầm lắm vậy! Bởi trong các thư tịch cổ chữ Hán về Phong Thủy, cũng chưa có tài liệu nào luận phương hướng kiểu lạ lùng như thế. Trong lĩnh vực Ngũ Hành, Âm dương (mà Phong Thủy không thể thoát ra ngoài thuyết này được) thì:

Càn, Đoài thuộc KIM

Càn, Khảm, Cấn, Chấn là các cung Dương

Tốn, Ly, Khôn, Đoài là các cung Âm.

Do vậy, Càn là Dương Kim, và Đoài là Âm Kim, còn độ số của nó như đã nói ở trên vậy. Đây là điều đầu tiên mà NCD tôi muốn nói đến về sự sai lầm trong nhận định độ số của hướng Tây ở bài viết trên. Tây Đoài là Âm Kim, ứng với thiếu nữ, thuộc số 7.

Luận về hình thể của Phong Thủy, Đại Sư Phong Thủy đời Tống là LAI BỐ Y đã viết: Phạm xây dựng thôn trấn, trước hết phải tôn trọng Khí Cục, có Khí có Cục mới thượng thừa. Có Khí mà không có Cục, hoặc có Cục mà vô Khí thì đều không phải là đất phúc lộc lâu dài..... Luận về LONG, ông bảo: Khi đã có Chân Long Huyết còn

phân ra nhiều loại như: Thiên Long, Chi Long, Hư Long, Thực Long, Phù Long, Khinh Long, Kiên Long, Chiên Long, Địa Long, Thủy Long, Sơn Long, Kim Long, Mộc Long, Hỏa Long. Có tất cả 14 Đại Long. Phạm tất cả các Long Huyết như Hợp Cán Long, Thực Long, Kiên Long, Thiên Long, Địa Long trong Long Huyết Ngũ Hành mới đáng gọi là Thực Long. Trăm huyết không sai một, do kiên cố và đầy đủ Long Khí nên có thể kéo dài miên trường, ngàn năm không suy vong. Còn những Long Huyết còn lại đều là Phù Long, tuy Long Khí thấy rất thịnh nhưng nền tảng không vững chắc, chẳng qua như hoa đóm trên không chớp chớp rồi tắt ngay, phù nổi mà không có gốc, rỗng mà không chắc.... Long Mạch là Linh Khí của Đại Địa kết tụ, tập trung tinh hoa của vũ trụ, đó là cái rún ở giữa thất lạng của Chân Long, lực của nó chí cường....."

Đấy chưa phải là đủ, chúng ta còn phải xét đến Long Mạch đó là ở vùng núi non hay ở đồng bằng nữa. Ở vùng sơn cước thì gọi là mạch Âm, vì mạch luôn chìm xuống (vì thế ta mới gọi là Âm Sơn, đừng lầm tưởng núi cao lên là Dương rồi cho là Dương Mạch hay Dương Sơn là sai lầm lớn), còn ở dưới đồng bằng thì mạch nổi lên cao. Long Mạch không chỉ chạy trên đất liền sơn cước hay đồng bằng mà có thể qua ao, qua hồ, thậm chí qua cả sông, lặn sâu xuống dưới bãi, dưới đầm lầy một quãng cách thật xa, rồi lại tiếp tục nổi lên đi nữa. Trạng thái này trong Phong Thủy học gọi là trạng thái "Khởi phục" của Long Mạch. Với loại mạch này, các nhà địa lý thiếu kinh nghiệm thường lầm lẫn, cứ tưởng nơi đó đã đến chỗ Long đình Khí chỉ, vội tìm Huyết kết là sai lầm to. Thực ra, một kiểu đất kết phải hội đủ các điều kiện:

_ Tiền án: là một mô đất cao nổi lên trước mặt Huyết, như một cái bàn trước mặt người ngồi vậy.

_ Hậu trẩm: là một mảnh đất đằng sau Huyết, như một cái gối để người ta tựa đầu vậy.

_ Tả Long: là thớ đất ở bên trái Huyết mọc ra ôm chầu vào Huyết

_ Hữu Hồ:phải.....

_ Minh đường: là nơi nước tụ trước Huyết để nuôi dưỡng khí mạch của Huyết kết.

Nơi bình dương, đồng bằng, xem xét một Huyết kết rất khó. Tuy vậy, Mạch ở đồng bằng ôn hòa hơn, phát chậm mà bền lâu, ít bị hung sát; còn Mạch ở vùng núi non thì khí thế hùng vĩ bày ra rất dễ trông thấy, vì vậy, vùng núi non Mạch thường phát tướng võ, ít có phú quý giàu sang (vì hiếm có Minh Đường Thủy Tụ). Mạch ở vùng núi khí thế càng hùng vĩ thì hung sát càng dữ. Người nào được mạch ở vùng núi, nếu thành công thì đa sát, nếu thất bại thì gia tộc tử vong. Muốn không gặp Hung Sát thì đó phải là Chân Long đích thực, lại được một thầy Phong Thủy cực giỏi xác định chính xác Tâm Huyết mới được. Các nhà địa lý thường tìm mạch ở vùng núi hơn là mạch ở đồng bằng (Có phải vì nó dễ xác định hơn chăng?!))

Trở lại với vùng đất mà tác giả đề cập, suy đoán, đặt giả thuyết vài ý sau:

1/. Tác giả lập luận rằng theo truyền thuyết, khi xưa Cao Biền xây thành Đại La bị sạt lở hoài nên trấn yểm. Trong Phong Thủy, nếu là Âm phần, thì xương cốt người mất táng vào đó sẽ hấp thu Linh Khí của Long Mạch, rồi sau đó phần Linh Khí của vùng đất và của người mất đó hòa vào nhau. Luồng Khí này sẽ theo không khí mà đi tìm Khí của những người cùng huyết mạch với mình mà hòa quyện vào đó, sinh ra những con cháu thừa hưởng Long Khí của huyết mạch đó. Tình trạng này người xưa gọi là "Đông Khí tương cầu", còn theo Khoa học ngày nay thì như tác giả nói là lực cộng hưởng không sai.

Với ngôi Dương Cơ, Long Khí tác động trực tiếp lên người sinh sống ở đó, mà qua sự tiến bộ của Khoa học kỹ thuật ngày nay, người ta chứng minh đó là do từ trường nơi vùng đất đó tác động đến từ trường của người sống ở đó, nếu nó thích hợp tần số từ trường người đó thì đem lại kết quả tốt. Chính vì vậy, trong khoa Phong Thủy mới nhận định "nhất Dương thắng thập Âm". Một huyết Dương sẽ phát thật nhanh, nếu hình thể hợp cách có thể phát vượng cả ngàn năm không suy yếu, đó thường là cách cục của các Kinh Thành lớn. Còn Âm phần có tính cách Tiềm Di Mặc Hóa, có khi đến đời con hoặc đời cháu mới hưng phát. Nhưng nghịch lý thay, trong dân gian lại chú trọng Mạch Âm hơn!

Nếu nói Cao Biền cho trấn yểm nơi đó để xây thành Đại La, và để phá hoại Long Mạch thì có hơi khiên cưỡng. Bởi lúc ấy, Đường Trung Tông đã phong cho Cao Biền làm Đô Hộ Sứ An Nam. Thành Đại La gần như là Kinh Đô thời ấy, khí vận của nó ảnh hưởng với người cai trị, nếu Cao Biền trấn yểm để xây thành với mục đích xấu chẳng lẽ ông ta tự đào hố chôn mình sao? Là một bậc thầy tâm cỡ về Phong Thủy, thiết nghĩ Cao Biền không thể làm việc tự di hại cho bản thân đến vậy.

Nếu nói như nhà sử học Dương Trung Quốc nghe có vẻ hợp lý hơn. Chúng ta chỉ có thể suy đoán mục đích của kẻ trấn yểm qua tình hình, bối cảnh lịch sử thời ấy, không thể áp đặt cho nó cái tư tưởng suy nghĩ như chúng ta ngày nay. Vậy thì ở đây có hai giả thuyết:

_ một là, Cao Biền trấn yểm là để xây thành được, và việc xây thành này là để trấn áp Long Mạch để vương ở An Nam chúng ta_ như nhà sử học Dương Trung Quốc đưa ra luận cứ trích ở đâu đó

_ hai là, việc trấn yểm này không liên quan gì tới việc xây thành, nó chỉ thuần túy là trấn yểm nhánh Thanh Long, như tác giả bài viết lập luận.

Theo tác giả bài viết ấy thì Cao Biền đã dùng biện pháp trấn yểm kia để chặn đứng đường đi của Long mạch. Thực tế, trong khoa Phong Thủy, chỉ cần đào xẻ phạm vào Long Mạch là cũng đủ rồi, nếu không muốn cho người khác biết thì dùng cách trấn yểm ngầm như thế này. Nhưng hoàn toàn không thể vì chặn đường Long Khí mà làm cả nhánh sông khô kiệt được. Xin đừng đem mọi việc gán ghép một cách thiếu căn cứ, trên lĩnh vực khoa học lẫn trên lĩnh vực Phong Thủy như thế. Khi Long Mạch bị đứt đoạn, thì nguồn Long Khí di chuyển từ Tổ Sơn không thể đến nơi Kết Huyết theo đường đó nữa. Cho dù các thầy địa lý có tìm đến nơi kết huyết, thiếu mất nhánh Thanh Long thì Huyết khó kết được. Khi tác giả so sánh các đường di chuyển của Khí, của Long trong lòng đất với sự dịch chuyển của kinh mạch trong cơ thể con người, thì đó là sự so sánh tương tự thôi. Khi ta chặn một đoạn trên tay Long hoặc tay Hổ, thì chỉ đoạn sau của nó mất tác dụng, tạo thế mất cân bằng, khuyết Thanh Long hoặc khuyết Bạch Hổ để vùng đất đó khó Kết Huyết TRỌN VẸN, nhưng vùng đất đó vẫn có thể canh tác như ta thấy thực tế ở vùng đó bao lâu nay. Nhưng nếu là con người, MỘT khi cánh tay bị phé do bị phong bế huyết, thì nó chỉ là một phé vật, chỉ chờ bỏ đi thôi, bởi máu huyết không theo đường Kinh lạc nuôi sống gân cốt nơi đó được nữa. Trở lại với Long Mạch, khi Huyết khó kết trọn vẹn, thì nhánh Bạch Hổ khi ấy có chăng nữa, phỏng có ích gì? Việc có một số danh nhân, võ tướng gì gì, mà tác giả đề cập xuất thân từ nhánh Bạch Hổ, khiến NCD nghĩ đến hai trường hợp sau:

_ Một là, nơi bị trấn yểm không phải là Thanh Long của Huyết trường mà chỉ là một Chi Long trên 1 Đại Long.

_ Hai là, nơi bị trấn yểm là Huyệt bàng nằm trên tay Long (tức trên Thanh Long của Huyệt). Nếu nơi này nằm trên tay Long, tức Thanh Long bị vô hiệu hóa, khi ấy Huyệt có kết được cũng là khuyết một bên. Trong trước tác "Địa đạo điển ca" của cụ TẢ AO có nói thế này:

Long Hồ bằng sự chân tay
Chẳng có tả hữu bằng ngay chẳng lành
.....Vô Long như người mất chân
Vô Hồ như đũa ở trần không tay.

Như vậy đủ thấy tầm quan trọng của tay Long, tay Hồ trong một cuộc đất kết Huyệt là thế nào rồi. Thiếu một cái nào cũng lệch lạc, như một kẻ tàn tật vậy. Nhưng không phải là như vậy rồi không có Huyệt kết, bởi thế ở trên NCD luôn nói KHÓ kết Huyệt thôi. Trường hợp này có thể là không kết Huyệt. Vì sao lại nói vậy? Muốn hiểu vì sao, ta hãy cùng tìm hiểu xem nếu kết Huyệt thì Huyệt đó thế nào. Trong tự nhiên thiên hình vạn trạng, cũng có khi Huyệt kết mà khuyết một tay Long, hoặc khuyết một tay Hồ vậy. Khi đó, cuộc đất này có sinh ra người tài nhưng tàn tật! Và lại, như cụ TẢ AO có ghi trong Địa đạo điển ca:

Thanh Long liên châu cao phong
Kim tinh, thổ phụ phát giòong trường nam
Con gái về bên Hồ sơn
Hồ cao thì phát, sơn bàn cho thông.

Chúng tôi nhánh Bạch Hồ phát về nữ & các con trai thứ. Trở lại luận cứ trên, nếu đây là nơi Huyệt bàng trên nhánh Thanh Long, ta trộm nghĩ xem tại sao trước đây kẻ trấn yểm lại bỏ qua cho Huyệt bàng trên nhánh Bạch Hồ? (vì theo như tác giả thì trên đất Bạch Hồ vẫn có người tài, vẫn có hưng vượng). Đặt mình vào thời điểm đó, ta thấy rõ quan niệm xưa trọng nam khinh nữ rất rõ. Mà theo Phong Thủy, "tả Thanh Long, hữu Bạch Hồ", "nam tả, nữ hữu". Có lẽ vì vậy mà kẻ trấn yểm đó bỏ qua cho Huyệt bàng trên nhánh Bạch Hồ chẳng? Nói thế thật khiên cưỡng, bởi ngoài phát cho nữ, nhánh Bạch Hồ còn phát cho cả con trai thứ, không thể nào kẻ trấn yểm lại bỏ sót một điều quan trọng như thế.

Đó không là một Huyệt bàng hay một điểm nằm trên Thanh Long của Huyệt trường mà chính là 1 CHI LONG thuộc 1 Đại Long vậy. Chính vì thế mà nó không ảnh hưởng nhiều đến thế cuộc của nước ta trong lịch sử, vẫn còn rất nhiều vị vua ra đời, trong đó không thiếu các bậc Minh Quân. Nếu đây là Long Mạch Đại Địa thì có lẽ lịch sử nước ta đã đổi khác. Do đó, những ai quan tâm tới Kinh Đô Thăng Long ngàn năm văn vật của chúng ta xin hãy an tâm. Việc đem các vật cho là trấn yểm Phong Thủy đó lên_ nếu đây đúng là trấn yểm_ là một việc tốt, không hề có nguy hại gì. Việc xảy ra các hiện tượng lạ vào thời điểm đó, chung với phần lý giải về hai vấn đề:

- 1/. Thành Đại La là nơi xây lên để trấn yểm Long Mạch của thành Thăng Long.
- 2/. Các hình tượng trấn yểm đó mang ý nghĩa gì?

Trước khi đi vào hai vấn đề hôm trước nêu ra có vài ý kiến về bài viết đó như sau:

1/. Đánh giá các vấn đề không chỉ đơn thuần trên tính mơ hồ, nghe nói hay tin hoàn toàn vào một thuyết nào đó. Chúng ta chỉ là những người hậu học, kế thừa và phát huy những gì ông cha ta đã truyền lại một cách có khoa học, hợp thời, hợp lý. Nghĩa là trong những thông tin chúng ta tiếp thu được từ các bậc tiền nhân, cũng phải suy gẫm lại, xem cái nào hợp thời, hợp lý, và xác định tính chân thật của thông tin dựa trên niên đại, bối cảnh thời đó. Theo tác giả thì thuật Phong Thủy và

Kinh Dịch của chúng ta tiếp thu từ nền văn hóa Vua Hùng, và các Vua Hùng trước khi mất nước đã cố tình làm sai lệch về các học thuyết Âm Dương Ngũ Hành. Theo Tam Đoạn Luận của Socrate, thì ngay từ tiền đề tác giả đã sai làm sao bảo chứng cho những mệnh đề sau là đúng. Cái gì của chúng ta sáng tác ra mà khi bỏ nước chạy đi, nó vẫn ở trong đầu chúng ta, không thể mất đi. Thế tại sao Kinh Dịch của chúng ta tại sao cả ngàn năm sau chúng ta vẫn chưa có chữ viết? Điều này quả thật nghe rất lạ tai, nhưng thôi, cứ tạm tin là vậy. Nhưng nếu tác giả cho rằng vì các Vua Hùng cố tình làm sai lệch như vậy mà Cao Biền tính toán sai lầm về độ số thì e rằng có một sự nhầm lẫn to lớn ở đây.

Trong lịch sử nước ta, dựa theo các tư liệu lịch sử thì từ trước đến nay nước ta chưa có nhân vật kiệt xuất nào về Phong Thủy trước thời đại nhà LÝ cả. Chúng ta cứ tin như lời tác giả rằng quả thật vào đời các Vua Hùng, khoa Phong Thủy đã thịnh ở nước chúng ta đi, thì việc đó cũng chẳng ăn nhập gì với việc kiến thức Phong Thủy của Cao Biền cả. Xin tác giả lưu ý cho kỹ xem, khi nước ta chưa có bậc Phong Thủy nổi danh nào thì ở Trung Quốc thời ấy có thể kể ra rất nhiều rồi, xin liệt kê ra đây một số những người nổi tiếng đầu tiên trong giới Phong Thủy của Trung Quốc:

_ Đời nhà Thương đã có BÀN CANH, người xem tướng địa cho kinh đô nhà Ân, mở ra một triều đại kéo dài đến mấy trăm năm, và tạo ra nền văn hóa đồng thau rực rỡ.

_ Đời nhà Chu có CÔNG LƯU xem tướng địa định đô cho nhà Chu đến đất Bân có CỒ CÔNG ĐÀN PHỤ tướng địa đất Kỳ Sơn
có CHU CÔNG tướng địa Kinh Đô Lạc Ấp

_ Đời Chiến Quốc có THƯ LÝ TỬ

_ Đời Tần có CHU TIÊN ĐÀO, người soạn bộ sách Sưu Sơn Ký, trước tác gần như đầu tiên về Phong Thủy một cách có qui mô.

_ Đời nhà Hán có THANH Ô TỬ soạn Táng Kinh...

.....

Có rất nhiều, rất nhiều nhà Phong Thủy của Trung Quốc xưa đã nổi danh sớm như thế, chứng tỏ khoa Phong Thủy của Trung Quốc có nguồn gốc căn cơ cội rễ lâu đời, thì tại sao Cao Biền phải dựa vào sách Phong Thủy của các Vua Hùng lưu lại để sai lầm về độ số??? Những trước tác về Phong Thủy của những nhà Phong Thủy thời đó của Trung Quốc đến nay chỉ còn lại rất ít, nhưng nó được xem như một kho tàng vô giá cho môn Khoa học huyền bí này. Cả ngàn năm nay người Trung Hoa đã ứng dụng kiến thức Phong Thủy lệch lạc do tổ tiên ta để lại chẳng??? Hay chỉ mỗi mình Cao Biền sang An Nam học trộm thuật Phong Thủy để rồi làm sai lệch??? Quả thật giả thuyết ấy của tác giả đưa ra khó mà tin được bởi tính logic của sự việc. Chúng ta là người VIỆT, dòng máu Việt đang chảy trong huyết quản chúng ta, nhưng không vì thế mà chúng ta chối bỏ sự thật. Sự thật còn hơn vạn lời hùng biện mà! Nếu tác giả nghĩ rằng mình là người Việt cần có những suy nghĩ tốt cho dân tộc Việt, vậy thì: Trong lịch sử, nước chúng ta bị người phương Bắc xâm chiếm, cai trị thì chúng ta cho rằng họ ỷ mạnh hiếp yếu, cá lớn nuốt cá bé. Thế chúng ta xóa sổ cả một đất nước Chiêm Thành thì gọi là gì? Chúng ta lấn sang phần đất của Xiêm La thì gọi là gì? Xin thưa với tác giả bài viết rằng: Đánh giá một vấn đề thuộc phương diện lịch sử, chúng ta hãy đặt mình vào thời điểm ấy xem quan điểm của thời ấy như thế nào đã. Ngày trước, vào thời phong kiến là thời tranh giành, mạnh được yếu thua, cá lớn nuốt cá bé là xu thế của thời ấy. Hồi đó làm gì có tổ chức Liên Hợp Quốc như bây giờ để lên tiếng nói công bằng. Trong hoàn cảnh đó, nếu ta không giết đối thủ thì sẽ bị giết thôi. Do đó

việc chúng ta xóa sổ nước Chiêm Thành có thể chấp nhận được, thì việc bị người phương Bắc đôi khi đánh chiếm là điều tất yếu thôi. Qua đó chỉ càng chứng tỏ bản chất anh hùng, không chịu khuất phục trước cường quyền của dân tộc ta thôi.

Trở lại vấn đề, tóm lại: Nên chăng trả lại sự công bằng cho xuất xứ của khoa Phong Thủy?

2/. Vấn đề thứ hai là đặt giả thuyết về danh từ Kinh Đô THĂNG LONG của chúng ta. Theo tác giả thì cái tên này không phải xuất phát từ ý nghĩa "con Rồng bay lên" như trong dân gian truyền tụng, mà đó là "Khí Âm thăng lên". Tác giả còn cho rằng "Khí làm cho Kinh Đô THĂNG LONG phát triển mạnh mẽ như bây giờ là Khí Âm_Địa Khí ". Muốn làm rõ hơn ý này, NCD xin nói sơ qua về việc đặt tên trong kiến trúc Phong Thủy & Mạch phát triển Kinh Đô.

Trong Phong Thủy, các nhà Phong Thủy xưa khi kiến thiết lên một tòa đình lâu, một hoa viên, một cây cầu, một con đường, một ao thả cá...vv... Nói chung, tất cả kiến trúc mang tính cách tiềm ẩn ý nghĩa Phong Thủy, họ luôn đặt cho kiến trúc ấy một cái tên. Và việc đặt tên ấy cũng có một số qui định bất thành văn như sau:

_ Trước tiên cái tên ấy khi đọc lên phải mang một ý nghĩa tốt lành, khiến ai nghe cũng thấy thích, thấy hay_ dù có thể họ không hiểu hết ý nghĩa của cái tên ấy.

_ Thứ đến là chiết tự của cái tên ấy ra (đương nhiên theo chữ Hán phồn thể rồi) số nét phải hợp với Ngũ Hành của kiến trúc ấy.

_ Tiếp nữa là cái tên ấy tính tổng số nét của nó giải theo Dịch Lý phải có một luận đoán tốt. Cũng trên ý này mà người xưa dùng để đặt tên cho con cái, mong hậu vận của con cái được tốt đẹp.

_ Cuối cùng là cái tên ấy phải phù hợp với tầng lớp giai cấp & không phạm húy.

Trong Phong Thủy, khi đặt tên cho một kiến trúc, các nhà Đại Sư Phong Thủy phải lao tâm khổ tứ rất nhiều để tìm cái tên thích hợp.

Theo truyền thuyết cổ đại, Rồng là một động vật thần kỳ, trưởng của loài có vảy, giỏi biến hóa, làm mây làm mưa, lợi cho vạn vật. Rồng có thể đi mây về gió, thoát ẩn thoát hiện. Rồng là con vật khổng lồ, nhấp nhô uốn khúc như dãy núi, người ta bèn ví núi với Rồng. Do đó, trong thuật Phong Thủy mượn quan niệm về Rồng để chỉ ra tính Sinh động, biến hóa và nguồn năng lực mạnh mẽ của các Mạch Khí trong lòng đất. Long Mạch chính là ám chỉ Huyết Mạch của Rồng, từ này có nguồn gốc từ đây. Cũng vì những huyền thoại xung quanh con vật thần bí này, người ta tôn sùng nó (chẳng phải ngay như dân tộc ta cũng tự hào rằng mình là con Rồng cháu Tiên đó sao?), và nó được các nhà thống trị xem như biểu tượng của sức mạnh, của quyền uy tối thượng của mình. Vì thế, các vật dụng dùng cho Vua ngày xưa hay thêm vào chữ Long như: Long xa (xe của Vua đi), Long ỷ (ghế của Vua ngồi), Long sàng (giường Vua nằm).....vv...

Qua những tản mạn quanh chuyện Rồng, ta có thể thấy vì sao có chữ Long trong tên kinh đô nước ta. Về chữ Thăng, trong chữ Hán có đến 5 chữ Thăng, trong đó có 3 chữ với hàm ý "bay lên". Trong ba chữ đó, chữ Thăng 9 nét có bộ THỔ (đất đai), và chữ Thăng có 8 nét có chữ NHẬT trên chữ THĂNG là thích hợp hơn hết. Vì sao? Chữ LONG ở đây là Rồng là chữ Long có 16 nét. NCD xin trích dẫn ra đây hai bài thơ luận đoán dựa theo số nét của 2 chữ Thăng Long để các anh chị, các bạn tham khảo xem:

_ Nếu chữ Thăng có 8 nét, thì tổng cộng là 24 nét :

Cầm tú tiền trình

Tu kháo tự lực

Đa dụng trí mưu
Năng thành đại khí
_ Nếu chữ Thăng có 9 nét thì tổng cộng là 25 nét:
Thiên thời địa lợi
Chi khiếm nhân hòa
Giảng tín tu mục
Tức khả thành công.

Về số nét thì đã thích hợp rồi, và như vậy thì nó phải đi liền với hàm ý: "Con Rồng bay lên". Như ta đã biết những truyền thuyết về loài Rồng, tính của nó vốn linh động, chuyên làm mưa làm gió, nên chỉ thích hợp trên cao mặc sức vẫy vùng, không thích hợp nơi ao tù nước đọng. Rồng một khi thoát lên mây cao sẽ thỏa sức tung hoành, như vậy mới thể hiện hết Thần uy của nó, cũng như chí Quân Vương "Đại triển hùng đồ" mở mang bờ cõi. Do đó cái tên THĂNG LONG như ý nghĩa trước nay ta vẫn hiểu, là xây dựng trên cái lý thể hiện Quyền uy tối thượng của nhà Vua, thể hiện cái Hùng tâm tráng chí của cả một dân tộc luôn vươn lên cao tiến triển không ngừng, thể hiện mơ ước một đất nước vươn lên tự chủ sau thời gian dài bị đô hộ. Câu chuyện mà LÝ THÁI TỔ_ LÝ CÔNG UẨN đưa ra về giấc mơ chỉ là đánh vào tâm lý người dân sùng bái thần thánh, mê tín dị đoan. NGÀI ám thị cho người dân biết rằng: Kinh Đô này là Trời ban cho triều đại nhà Lý, mượn ý Trời để quy kết lòng dân về một mối, một chính sách làm an lòng dân, giúp người dân có thêm lòng tin để đoàn kết chống giặc mỗi khi có giặc ngoại xâm. Khi muôn triệu người dân đều tin vào câu chuyện đó, lời từ miệng người dân phát ra mang theo một từ trường, số đông người tạo thành một năng lực vô hình, 1 sóng từ mang cùng một thông điệp- cùng một tần số chuyển tải vào vũ trụ, và nhận được sự phản hồi từ vũ trụ. Bằng chứng là sau thời đại các Vua Hùng, các triều đại đều không truyền đến ba đời, nhưng khi Kinh Đô dời về Thăng Long thì lần đầu tiên nước ta thái bình thịnh thế suốt mấy trăm năm dài. Cũng trong thời đại này, nước ta đã mở mang bờ cõi dài xuống phương Nam, chiếm thêm được PHẬT THỆ (nay là địa bàn Thừa Thiên), rồi tiếp đến là 3 châu Địa lý- Ma Linh- Bồ chánh (nay thuộc Quảng Bình- Quảng Trị). Tuy sau 200 năm, nhà Lý bị mất về tay nhà Trần, nhưng dân tộc ta vẫn là tự chủ. Đây không phải là một minh chứng hùng hồn ư?

Cũng trên kế sách an lòng dân này, hơn 400 năm sau Đại Quân Sư NGUYỄN TRÃI của chúng ta đã dùng mõ viết lên lá cây hai câu "LÊ LỢI vi Quân, NGUYỄN TRÃI vi Thần", kiến theo ăn mõ đục khoét lá cây làm cho lá cây như có sẵn hai câu ấy. Kết quả là lòng dân tin rằng Ý Trời muốn LÊ LỢI làm Vua, lòng dân theo về, muôn người như một, nhờ vậy mà nước ta lại một lần nữa giành được độc lập.

Trở lại vấn đề đặt tên Kinh Đô là Thăng Long, chúng ta đã có thể hiểu rõ về thâm ý dựng nên câu chuyện mang tính thần thoại của LÝ THÁI TỔ, thì xin đừng vì câu chuyện hư cấu với dụng ý tốt này mà bỏ đi ý nghĩa tốt đẹp thực sự của Kinh Đô Thăng Long!

Việc tác giả cho rằng Kinh Đô Thăng Long là Mạch Âm có một sự nhầm lẫn rất lớn trong kiến thức Phong Thủy. Trong Phong Thủy quả thật có Mạch Dương, Mạch Âm đấy, nhưng hiểu như tác giả là có một sai biệt rất rõ. Mạch đi trên vùng núi non là Mạch Âm vì đi chìm xuống sâu, Mạch đi dưới đồng bằng là Mạch Dương vì nổi lên trên. Đất chôn mồ mã gọi là Mạch Âm phần. Đất xây nhà, lập doanh trại, lập Đế Đô là đất Dương cơ. Trong Phong Thủy có câu "Nhất Dương thắng thập Âm". Mạch Dương thường hiện ra với khí thể bao la, có thể xuất phát từ một Tổ Sơn,

nhưng khi đến nơi kết huyết để lập Đế Đô thì đó phải là vùng đồng bằng. Khi ấy các mạch núi xa xa, sông ngòi uốn lượn trước mặt tạo nên khung cảnh hùng vĩ, một khí thế không thể thiếu của các Kinh Đô. Vào thời Vua LÊ- Chúa TRỊNH, các nhà Phong Thủy thời ấy đem "Cao Biền tấu thư địa lý kiểu tự" ra mà mổ xẻ, phân tích, đi tìm các Long Mạch mà Cao Biền đã ghi trong đó. Và thời bấy giờ đã dấy lên một làn sóng tranh cãi về các học thuyết Phong Thủy, và cũng sau thời điểm ấy Cụ TẢ AO được giới Phong Thủy nước ta tôn xưng là Ông THÁNH Địa Lý. Chính Cụ TẢ Ao đã nhận xét rằng cuộc đất THĂNG LONG là cuộc đất lớn phát về Mạch Dương.

Phải nói Kinh Đô THĂNG LONG như mở ra một trang sử mới cho dân tộc ta sau một thời gian dài bị thống trị, như kiêu hùng hơn, thịnh vượng hơn. Có lẽ cái tên mang ý nghĩa "Con Rồng bay lên" như hàng ngàn năm qua dân ta nghĩ vẫn tốt hơn, mang lại nhiều may mắn hơn cho đất nước ta vậy. Qua những dẫn chứng trên, ngoài việc chứng minh cái tên Thăng Long mang ý nghĩa ấy. Trước triều đại nhà LÝ, nước ta chưa có bậc Đại Sư Phong Thủy nào tầm cỡ như Quốc Sư VẠN HẠNH_ người đã tìm ra cuộc đất cho Kinh Đô Thăng Long của chúng ta.

Như đã nói ở phần trước, khi bàn về cái tên Kinh Đô Thăng Long, xét đến khía cạnh tốt đẹp của nước ta từ sau khi dời đô về đây, có lẽ không cần phải giải thích gì thêm chắc các anh chị, các bạn cũng thấy rõ hoàn toàn không có sự trấn yểm gì ảnh hưởng tới Kinh Thành Thăng Long cả. Bởi triều đại nhà Lý bắt đầu từ Lý Thái Tổ, cho đến đời Lý Chiêu Hoàng chuyển sang tay nhà Trần cũng có đến 218 năm. Để các quý vị không phải thắc mắc, cho rằng 218 năm vẫn là ít so với Trung Hoa, NCD xin dẫn chứng ra đây các triều đại của Trung Quốc từ sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Nguyên:

_ Đời Tây Hán: Năm 202 trước Công Nguyên, Lưu Bang lập nên triều đại nhà Hán, đến năm 8 sau Công Nguyên bị Vương Mãng lật đổ, được 210 năm.

_ Đời Đông Hán: Năm 25, Lưu Tú giành lại quyền cai trị, đến năm 220 bị Tào Phi chiếm ngôi nhà Hán, đời này chỉ kéo dài 195 năm nhưng còn tệ hại hơn, nửa đời sau, hoạn quan chuyên quyền, loạn lạc khắp nơi.

Bỏ qua thời Tam Quốc tranh, ta xét đời kế tiếp:

_ Đời Tây Tấn: Tư Mã Viêm lật đổ nhà Ngụy xưng Đế năm 265, nhưng tính thật ra đến năm 280 mới diệt được Ngô thống nhất đất nước. Từ mốc 280 đến năm 316 bị Hung Nô tiêu diệt, triều đại Tây Hán chỉ được....36 năm.

_ Đời Đông Tấn: Năm 317 Tư Mã Duệ Kiến lập lại triều Tấn, gọi là Đông Tấn, đến năm 420 bị Lưu Dực giết, chỉ được 103 năm.

Kế đến là loạn Nam Bắc triều, ta bỏ qua, kế tiếp:

_ Đời Tùy: Năm 581, Dương Kiên lật đổ Bắc Chu xưng Đế, đến năm 618, Tùy Dạng Đế Dương Quảng bị giết, nhà Tùy chỉ vồn vẹn.....37 năm

_ Đời Đường: Năm 618, Lý Uyên xưng Đế, đến năm 907, nhà Đường bị Hậu Lương tiêu diệt, được 289 năm.

_ Đời Bắc Tống: Năm 960, Triệu Khuông Dẫn xưng Đế, đến năm 1126 Bắc Tống bị Kim tiêu diệt, được 166 năm.

_ Đời Nam Tống: Tống Cao Tông lập ra Nam Tống năm 1127, đến năm 1279 bị nhà Nguyên tiêu diệt, được 152 năm.

_ Đời nhà Nguyên: Năm 1206, Thiết Mộc Chân làm Thành Cát Tư Hãn, cho đến năm 1368 thì nhà Nguyên bị tiêu diệt, được 162 năm

_ Đời nhà Minh: Chu Nguyên Chương kiến lập triều Minh năm 1368, đến năm 1644 thì bị nhà Thanh tiêu diệt, được 276 năm

_ Đời nhà Thanh: Năm 1636, Hoàng Thái Cực xưng Đế, nhưng thực tế đến năm 1644 mới chiếm trọn Trung Nguyên. Đến năm 1911, Cách Mạng Tân Hợi đã chấm dứt triều đại Phong kiến của Trung Quốc, nhà Thanh được 267 năm.

Như vậy, ta thấy rất rõ hiệu quả tốt từ việc dời đô về Kinh Thành Thăng Long, triều đại nhà Lý tồn tại một thời gian rất dài so với đa số triều đại của Trung Quốc. Trên thế giới ngày nay, không chỉ riêng Châu Á chúng ta, mà đến cả các nước Âu, Mỹ cũng đã xác nhận tính khoa học của thuật Phong Thủy, và đa số đều ngầm xem Trung Quốc là cái nôi phát nguồn của thuật Phong Thủy. Thế thì ở một đất nước mà thuật Phong Thủy đã đạt đến trình độ tạo được tiếng tăm trên thế giới, mà các triều đại Vua chúa của họ đa số không kéo dài bằng triều đại nhà Lý nước ta, vậy thử hỏi Kinh Thành Thăng Long của chúng ta như vậy là Phong Thủy tốt hay xấu đây? Có lẽ câu hỏi này tự trong thâm tâm của tất cả quý vị đã có câu trả lời rồi vậy.

Như vậy thông tin việc Cao Biền xây thành Đại La để trấn yểm Long Mạch vùng Hà Nội là thế nào? Điều này có hai cách giải thích:

_ Một là, việc Cao Biền xây thành Đại La để trấn yểm Long Mạch ở Hà Nội chỉ là truyền thuyết. Nhưng giả thuyết này ít có khả năng. Vì sao? Bởi qua hiệu quả tốt của Kinh Thành như chúng ta đã thấy thì Long Mạch phát Dương vùng Thăng Long không thể nào Cao Biền bỏ qua. Cho nên, mới dẫn đến ý thứ hai sau đây.

_ Hai là, Cao Biền có trấn yểm thật, nhưng khi xây dựng Kinh Thành Thăng Long, các Đại Sư Phong Thủy nước ta thời ấy_ mà dẫn đầu là Quốc Sư Vạn Hạnh, người có công tìm ra Long Mạch cho đất Thăng Long_ đã hóa giải đi rồi.

Tóm lại thì việc trấn yểm gì đó hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến Kinh Thành Thăng Long của chúng ta cả. Xin quý vị nào có lòng yêu mến Kinh Đô ngàn năm văn hiến hãy an tâm gác chân lên trán mà ăn no ngủ kỹ, à quên, gác tay lên trán chứ Cheesy

Đến đây sẽ có người hỏi gai gổc "thế thì Phong Thủy bảo các đất Kinh Đô phát dương quang đại cả ngàn năm, sao mới vài trăm năm đã thay triều hoán vị? Như thế không phải là Phong Thủy không đáng tin sao?". Có một câu chuyện có thật trên đất nước Việt Nam mình. Câu chuyện như sau:

"Vào đầu thế kỷ 20, có nhà họ LỤC, cất cái quán nhỏ giữa đèo Cù Mông, ngay trên Quốc lộ số 1, chuyên bán nước cho khách bộ hành. Quán ấy mặt quay về biển Đông, lưng dựa vào vách núi bên kia, phía Bắc là một vực sâu thăm thẳm.... Khách uống nước trả tiền hoặc không cũng được, nhưng trong mỗi bát nước ông chủ bỏ vào đó năm ba hạt trấu (vỏ lúa). Nhiều người lấy làm lạ hỏi, nhưng ông chỉ cười và không mấy khi trả lời. Một hôm, có một thầy địa lý người Quảng Ngãi dừng chân uống nước nơi ấy. Qua một lúc quan sát địa thế, thầy địa lý gọi ông chủ quán họ LỤC nói:

_ Đây mới thực là cảnh phát quan, phát phú, ít nhất cũng ba đời. Mặt trước là đỉnh núi nhỏ che mặt biển, đáng gọi là Tiên Ấn. Mặt sau hình như Ngọa Long, Phục Hổ, lại có một ngòi nước nhỏ chảy qua. Chỉ tiếc là bên hông trái quán này lại bị hổ sâu làm cho cuộc đất bị hỏng mất, thật đáng tiếc....

Lão chủ quán chỉ cười mà không nói gì. Thầy địa lý lại hỏi tiếp:

_ Ông chủ quán cứ mỗi bát nước lại bỏ năm ba vỏ trấu làm cho khách uống nước nhờn nhợn... Tại sao ông phải làm chuyện đó?

Ông chủ quán cười, nói:

_ Thường khách qua đường rất khát, gặp nước thì uống một hơi, tôi sợ họ bị nghẹn nước nên bỏ vào một chút trấu để họ uống chậm lại thôi.

Thầy địa lý gạt đầu rồi bỏ đi.

Mười năm sau, thầy địa lý ghé lại quán đó, thấy lão chủ quán họ LỤC vẫn tiếp tục bán nước, nhưng lạ thay, cái hồ sâu kia bấy giờ đã được thiên nhiên tự vun đất lên cao bằng mặt. Thầy địa lý cầm tay ông chủ quán nói:

_ Trong ba năm nữa ông sẽ hưởng được lợi của cuộc đất phát này.

Đến nay, người cháu nội ông cụ họ LỤC ấy vẫn còn nức tiếng giàu sang trong vùng đó."

Cho hay muôn sự ở đời không qua cái ĐỨC, chính cái TÂM của ông chủ quán THIỆN lương nên đã khiến xui thiên nhiên đãi ngộ cho ông vậy. Hành động bỏ vỏ trấu của ông vào bát nước thật đúng với câu nói của ông bà xưa răn dạy:

Vật vị THIỆN tiểu nhi bất tác

Vật vị ÁC tiểu nhi bất hành

Nghĩa là: Chớ thấy việc THIỆN nhỏ mà không làm; chớ thấy điều ÁC nhỏ mà làm.

Khi đã xác định việc đó không có ảnh hưởng gì tới Kinh Thành của chúng ta, thì việc tìm hiểu các vật trấn yểm này chỉ trên tính cách cùng nhau nghiên cứu thôi. Bởi hai nguyên do:

_ Một là, chưa thấy được hình chụp hiện trạng các vật mà tác giả cho rằng là vật trấn yểm Phong Thủy gì đó, hay ít ra cũng là một sự mô tả chi tiết về cách sắp xếp của các vật ấy lúc còn nguyên trạng.

_ Hai là, Phải biết các Mạch núi ở ngoài ấy tập trung khu vực nào, hướng chiều nào, phát nguyên của Sơn Long ở đâu? của Thủy Long ở đâu? của Sa Long ở đâu?... Còn rất nhiều điều chưa biết, nên rất khó đoán định được mục tiêu của người trấn yểm kia là nhằm vào việc gì.

Dù không nắm rõ mục tiêu kia, nhưng chắc chắn vẫn không ảnh hưởng tới Thủ Đô Hà Nội của chúng ta rồi. Và cũng có thể do cái tâm của kẻ trấn yểm kia không tốt, muốn hủy đi Linh Khí của Thiên Địa nên khiến xui chỉ trấn nhằm những Mạch nhỏ thôi cũng không chừng? Bởi như Cụ TẢ AO đã dạy:

Đức Nhân vốn ở cả mình

Trước là tích Đức sau là Tầm Long.

Hay như sách "Hồng Vũ Cẩm Thư" của Dương Quân Tùng đời Đường cũng viết :
"Tiên tích Đức nhi hậu Tầm Long".

Học cao, được truyền thụ chân thư chưa đủ, kẻ muốn làm một nhà Địa lý còn phải có Đức, có Nhân. Vì bước vào con đường Địa lý là bước vào con đường hành Đạo, phải luyện Nhân Nghĩa trước đã. Khi một kẻ đã có tâm trấn yểm các Long Mạch tốt, thì bản thân kẻ ấy cũng khó tìm ra các Đại Long Mạch mà trấn yểm, nếu có chẳng thì cũng khiến xui có sự sai lệch nào đó.

Trở lại với vấn đề nơi "bị trấn yểm" đó, do chưa đủ lượng thông tin cần thiết để đoán định sự việc, nên nói sơ qua về khoa Chiêm Tinh dựa trên năm tháng ngày giờ.

Như đã nói ở các phần trước, Sơn hà đại địa bao la vạn tượng, Long Mạch nhiều vô số nhưng đúng thực sự là Chân Long thì rất hiếm, mà cuộc đất Chân Long Đại Địa càng hiếm hơn. Tìm được Huyệt địa rồi, Phân kim, Lập hướng rồi, còn một điều tối quan trọng không kém đó là chọn năm tháng ngày giờ thật chính xác để an

táng, hay khởi công động Thổ. Khi chọn ngày giờ sai lệch, không những không được phước mà còn lập tức chuốc họa vào thân ngay. Trong các sách Phong Thủy ngày nay, gần như ít khi đề cập đến vấn đề này, có lẽ các thầy (xin đừng nói lái lại nhé!) giữ lại làm yếu quyết riêng, cũng có thể chính các thầy ấy cũng xem qua loa, không đánh giá đúng mức sự nguy hiểm của việc chọn sai ngày giờ. Có một vài cuốn sách theo trường phái Huyền Không Học, là có nhắc đến việc ảnh hưởng của năm tháng ngày giờ lên Trạch Mộ, nhưng vẫn chưa nói rõ lắm.

Khoa Chiêm Tinh này có nguồn gốc rất lâu đời, không biết ở các xứ Âu, Mỹ thế nào, riêng ở Á Đông ta thì nó đã xuất hiện khoảng 4000 năm trước Công Nguyên. Nhưng lúc ấy, các nhà chiêm tinh xem thiên văn chỉ dừng ở mức áp dụng vào Nông nghiệp thôi. Các nhà chiêm tinh dựa trên sự vận chuyển của các vì sao trên Trời mà đoán định mọi việc. Vũ trụ vẫn xoay, tinh tú luân chuyển đã tác động đến con người, đến đất đai. Các nhà khoa học ngày nay cũng đã chứng minh được mỗi một tinh tú trong Thái Dương Hệ đều có sự tác động, ảnh hưởng lên hệ sinh thái trên Trái Đất chúng ta. Tỷ những ngày trăng tròn thường ảnh hưởng đến hệ thần kinh con người (nhất là các người mắc bệnh này), hay tác động đến chu kỳ rụng trứng của phụ nữ, hoặc là tác động đến Thủy triều.... Mỗi khi các tinh tú xoay đi nơi khác thì lực tương tác giữa chúng với nhau, giữa chúng với Trái Đất, giữa chúng với mọi sinh vật trên Trái Đất cũng khác đi, và chúng theo một qui luật nhất định. Thế mà, các nhà Phong Thủy từ ngàn năm trước đã nhận ra những chu kỳ họa phúc của con người, của các hình thể đất đai do sự thay đổi của các vì sao ấy. Dựa trên những kinh nghiệm thực tế nhìn thấy, họ đã đưa ra những luận cứ về chọn năm tháng ngày giờ cho từng công việc, sao cho thích hợp với Vận khí của từng người, từng hình thể đất đai. Trên đà phát triển đó, tương truyền vào đời Tấn, Quách Phác đã đưa ra thuyết Cổ Dịch Huyền Không Học cho môn Địa lý, nhưng chưa thịnh lắm. Rồi đến Dương Quân Tùng đời Đường; Ngô Cảnh Loan đời Tống (là con trai của Ngô Khắc Thành_ học trò của Trần Đoàn lão tổ); Trương Đại Hồng cuối đời Minh. Nhưng mãi đến cuối đời Thanh mới được Thẩm Trúc Nhưng tiên sinh phát dương quang đại khoa này, và lan truyền rộng ra công chúng. Phải nói rộng thêm một tý về trường phái này: ngoài vấn đề Đức độ, trên lĩnh vực Phong Thủy, chỉ có phái này mới giải thích nổi sự vượng suy, thành bại cũng của một khu đất, một ngôi nhà, một triều đại....

Theo trường phái Huyền Không Học, tất cả nhà cửa, mộ phần lập sơn định hướng, cho dù có được Vượng Sơn, Vượng Hướng, hay Thượng Sơn Hạ Thủy....vv... gì đi nữa thì cũng có giới hạn của nó (các điều cơ bản về phái Huyền Không Học này. Khi thời hạn đó qua đi, tác dụng đó sẽ hết, dù tốt hay xấu cũng thế. Tồi đa của 1 cặp Sơn Hướng đối nhau đó là 180 năm.

Thí dụ: Nhâm sơn Bính hướng tối đa vượng được 80 năm, Bính sơn Nhâm hướng tối đa vượng được 100 năm, cộng lại cho cặp đối nhau này là 180 năm là thế.

Khoa Huyền Không Học gọi đây là Địa Vận Tam Nguyên nhỏ (mỗi một Nguyên là 60 năm). Nhưng nếu: Địa mạch kéo dài liên miên bất tận, khí thế bao la hùng vĩ, trong 8 cung có đủ hai cung Thành Môn hợp cách hai bên tả hữu, lại là toàn cục hợp Thiên Tâm Thập Đạo, thì Địa Vận của nó có thể kéo dài đến 540 năm hoặc 1080 năm. Phái Huyền Không Học gọi đây là Địa Vận Tam Nguyên lớn.

Cũng theo gốc Chiêm tinh này, nhiều môn học thuật khác cũng chịu ảnh hưởng, như: Bốc số, Dịch lý, Y lý, Vu thuật và Kỳ Môn Thuật Số.

Khoa bốc số tức là bói toán, dựa trên năm tháng ngày giờ sinh của con người mà lập Tử vi; dựa trên năm tháng ngày giờ sinh mà cân xương tính số.

Khoa Dịch Lý thì dựa trên năm tháng ngày giờ để gieo quẻ, xem các hào động biến, sinh khắc, xem các lục thân biến đổi, phi phục thần thế nào....vv.. Nhưng ngày nay, các nhà Dịch học còn tiến một bước dài hơn các tiền nhân, khi họ đã vận dụng được PHÉP DỊCH. Thuật ngữ này nghe có vẻ lạ tai, nhưng hiểu được & vận dụng được thì đúng là PHÉP thật đấy! Dụng PHÉP DỊCH, người ta như có quyền năng siêu nhiên vậy.

Trong y lý, Tây y không biết nghĩ sao, nhưng với Đông y, có một số huyết được coi là TỬ HUYỆT nhưng không cố định chỗ mà lại chạy theo giờ, người ta gọi đấy là Nhân Thần Thời Huyết. Và thường thì các huyết này rất hiếm người tìm được. Vấn nó bắt nguồn từ việc các võ sư xưa luyện phép Thiết Bồ Sam, đao gươm bắt tâm, nhưng luôn tồn tại một Tử Huyết không thể lấp được. Dần dần, các bậc võ sư thượng thừa tìm cách khắc phục, thân thể gần như Kim Cương bất hoại vậy. Nhưng họ không biết ngay từ ngàn xưa đã có Bí pháp tìm Tử huyết theo giờ kia. Do Bí pháp này rất nguy hiểm, nên nó ít được truyền thụ ra, dần dà đã thất truyền là vì vậy.

Vu thuật là trường phái của những cô cậu đồng cốt, những pháp sư phù thủy thời xưa. Họ lựa chọn năm tháng ngày giờ tốt để lập đàn làm phép sai Thần khiên Quỷ. Các loại trấn yểm tà thuật cũng thuộc trường phái này. Một Bí pháp trong phép tàng hình của Vu thuật ghi lại thế này: Lấy hai mắt của con chó mực phơi trong bóng mát cho thật khô. Dùng bùa họa trên mắt chó liên tục trong 21 đêm. May một túi lụa bỏ vào. Muốn vào nhà ai hãy lấy để vào tay, hướng về phía cửa nhà người đó niệm chú, khi đến gần sẽ không ai phát hiện ra (?!).

Bởi nói đến việc trấn yểm không thể không bàn đến một khía cạnh của khoa Vu Thuật này, đó là các Bùa Chú. Đây là các hình vẽ ngoằn ngoèo mang tính tượng hình (thí dụ như một loại Bùa thanh tâm an thần của ngày xưa bao gồm 5 vòng xoắn theo chiều kim đồng hồ, rồi 5 vòng theo chiều ngược lại, và kết thúc bằng một nét ngoéo lại. Chính là lấy hình tượng các vòng Dương, Âm và Thái Cực vậy). Còn các câu chú chúng ta nghe thấy trúc trắc nhưng đó chỉ là những câu Kinh nhà Phật thôi, phái này thì lấy theo tiếng Phạn, phái kia thì lấy theo tiếng Bali, phái nọ thì theo tiếng Hán như chúng ta vẫn đọc kinh.... Ngày xưa các thầy Phong Thủy buộc phải biết qua các bùa chú này, bởi trong thuật Phong Thủy xưa có một số Pháp môn thượng thừa_ mà ngày nay chỉ còn truyền miệng kể nhau nghe thôi_ phải dùng đến bùa chú mới được. Các Pháp môn thất truyền này có rất nhiều điều gần như siêu nhiên vậy, chẳng hạn :

_ Dẫn Long nhập thể: Người thầy dùng Bùa chú trục Long Khí nơi Long Mạch chuyển thẳng vào một mộ huyết nào đó.

_ Di ảnh hoán hình đại pháp: Dùng trong các trường hợp đối đầu Phong Thủy giữa hai thầy địa lý, dùng để che mắt đối phương cách cục mà mình bố trí vậy.

_ Dẫn Long thăng thiên đại pháp: Đây là một cách rất ác, bởi nó thường làm cho cả một vùng đất trở nên khô cằn vì....Long đã thoát đi!

_ Đầu chuyển tinh di: Dùng trong trường hợp các thầy địa lý muốn hoán đổi vận mạng cho một người, hay thay triều đổi vận. Cách này thường khó thành bởi được coi là Nghịch Thiên hành sự (Thuận Thiên giả tồn, Nghịch Thiên giả vong). Chỉ thành khi sự việc đó là tất yếu phải xảy ra, và người thầy đó chỉ thúc đẩy nó đi nhanh hơn thôi (nước đang ròng mà bạn muốn lớn có chẳng là phép Tiên?!)

...Còn rất nhiều Pháp môn nay đã thất truyền, và các phép này chỉ các bậc Đại Sư Phong Thủy thượng thừa mới làm nổi.

Cuối cùng là Kỳ Môn Độn Giáp. Môn này có lịch sử rất lâu đời, và Phong Hậu được xem là thủy tổ của môn tượng số Trung Hoa. Ông ta là một vị tướng tài đã làm ra 12 thiên binh pháp, 12 quyển Cô Hư lập thành Độn Giáp. Đến đời Chu có Khương Tử Nha_ người giúp nhà Chu dựng nên cơ nghiệp mấy trăm năm. Ông thấu hiểu binh pháp, uyên thâm về Dịch Lý, làm ra sách về Kỳ Môn. Đến đời nhà Hán có Trương Lương, được Xích Tòng Tử truyền cho Bộ Thái Ất và binh thư, nhờ vậy mà giúp nhà Hán gầy dựng cơ nghiệp cũng mấy trăm năm. Đời Tam Quốc phân tranh, có Gia Cát Lượng, ai đã từng xem qua bộ Tam Quốc Diễn Nghĩa ắt khó quên vị quân sư tài ba này. Ông là người ứng dụng thành công nhất Thái Ất & Kỳ Môn Độn Giáp, binh thư đồ trận trong thời ấy (sẽ có người thắc mắc ông thấu hiểu môn này vì sao không giúp Lưu Bị thành công được? Xin thưa trước khi ra khỏi thảo lư thì Khổng Minh đã biết trước thế cuộc thiên hạ, nhưng vì cảm cái tình của Lưu Bị "tam cố thảo lư" mà ông ra giúp thôi. Thế mới biết cái tình của người xưa trong đạo xử thế đáng quý làm sao!). Ở nước ta, người đầu tiên áp dụng Thái Ất Kỳ Môn thành công và để lại tiếng tăm đến ngày nay có lẽ không ai qua Cụ Trạng Trình NGUYỄN BÌNH KHIÊM. Ông gần như được xem là nhà bác học đa tài của lịch sử cận đại Việt Nam. Ông nổi tiếng không chỉ vào kiến thức uyên bác mà còn nhờ vào những bài Sấm Tiên Tri_ mà người đời quen gọi là Sấm Trạng Trình .

Trong các giai thoại về ông truyền lại rằng: Trịnh Kiểm là con rể của Nguyễn Kim, đã soán ngôi ông. Nguyễn Hoàng là con trai của Nguyễn Kim, sợ bị Trịnh kiểm hại mình, nghe tiếng cụ Trạng Trình nên đến xin vấn kế. Nghe trình bày xong, Cụ không nói một lời, chỉ chấm tay vào chung trà viết lên bàn mấy chữ, rồi chấp tay sau lưng bỏ vào nhà trong. Tò mò, Nguyễn Hoàng đến xem chỉ thấy câu "Hoành Sơn nhất đái van đại dung thân". Nguyễn Hoàng về xin Trịnh Kiểm cho mình vào Nam, nơi dãy Hoành Sơn như Cụ ngầm ám chỉ. Thuở ấy, nơi đó còn rất hoang vu, nên Trịnh Kiểm đã đồng ý ngay. Và đúng như Cụ đã tiên liệu được, vùng đất ấy sau khi Nguyễn Hoàng vào khai phá đã trở nên trù phú, dân cư ngày một đông, quả nhiên là chốn dung thân, kiến cơ lập nghiệp vậy.

Một giai thoại nữa về Cụ: Tương truyền vào năm 1930, khi làng của Cụ Trạng Trình bị Pháp ném bom (do nghi rằng Việt Nam Quốc Dân Đảng lập căn cứ ở đây), khi làng bị tàn phá thì tự nhiên bật lên tấm bia có bài Sấm ký :

Canh niên tàn phá

Tuất Hợi phục sinh.

Nhị ngũ dư bình

Dựa theo Kỳ Môn Độn Giáp, Cụ đã tính ra được gần 300 năm sau làng mình bị tàn phá dữ dội. Vì năm 1930 là năm Canh Ngọ, ứng với câu đầu. Đến năm Tuất Hợi mới khả dĩ hồi phục, nhưng phải đến 10 năm sau (nhị ngũ) mới bình thường lại như xưa.

Thế vì sao gọi là Thái Ất Kỳ Môn Độn Giáp? trong khoa này có 3 kỳ: Can ẤT làm Nhật kỳ_ Can BÌNH làm Nguyệt kỳ_ Can ĐINH làm Tinh kỳ. Phép Thái Ất là lấy Can ẤT thay thế Can GIÁP làm đầu cho Thiên Can. GIÁP thường ẩn tránh (ĐỘN là trốn, là ẩn tránh vậy) ở dưới Lục Nghi, cho nên gọi là Độn Giáp. Vì sao Giáp phải thường ẩn trốn?

Theo khoa này, Giáp đứng đầu Thiên Can, làm chủ tể. Mà Giáp là Dương Mộc, nó rất sợ Canh là Dương Kim khắc nó. Ất là Âm Mộc, đứng liền sau Giáp, tượng như

em gái của Giáp vậy. Cho nên Giáp đem em gái gả cho Canh Kim, xem như để giải oán cừu, và ta cũng thấy Ất và Canh là Thiên Can ngũ hợp đấy. Vì vậy ẤT thay Giáp làm kỳ thứ I vậy!

Bính thuộc Dương Hỏa, trong Ngũ Hành Hỏa nhờ Mộc sanh nên Bính tượng như con trai của Giáp vậy. Bính Hỏa khắc được Canh Kim cứu Giáp nên BÍNH làm kỳ thứ II vậy!

Đinh thuộc Âm Hỏa, cũng nhờ Mộc sanh ra, nên tượng như con gái của Giáp vậy. Đinh Hỏa cũng khắc Canh Kim, nên ĐINH làm kỳ thứ III vậy!

Vì lẽ ấy Can GIÁP lánh đi trong Lục Nghi để cho Can ẤT thay thế, như ông Vua giao quyền cho Tể Tướng vậy. Như nước ta, phần đông nhớ đến Đức HƯNG ĐẠO VƯƠNG mà mấy ai biết ông sống vào thời Vua Trần Nhân Tôn vậy!

Thái Ất Kỳ Môn là dùng năm tháng ngày giờ để lập ra một phương trình thức. Từ phương trình thức đó mà người ta áp dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau: hành binh, bắt trộm, ngoại giao thương thuyết, địa lý, bói toán, xem thời tiết, xem mưu sự...vv....và cao hơn hết chính là hai pháp môn :

_ Dùng Kỳ Môn để sai khiến Lục Đinh, Lục Giáp chư thần

_ Dùng Kỳ Môn phổ vào trận thế.

Muốn tìm một công thức của Quẻ Kỳ Môn người ta phải biết được lúc ấy ở vào Hội nào, Vận nào, Tiết nào; rồi năm thuộc tuần Giáp gì, năm nào, tháng nào,... Theo khoa này thì Trời mở ra ở Hội Tý, Đất mở ra ở Hội Sửu, Người sinh ra ở Hội Dần. Mỗi một Hội có 10800 năm, chia làm 30 vận, mỗi vận 360 năm, lại chia làm 12 thế; mỗi thế 30 năm....Từ Hội Tý khởi đi, đến nay ta đang ở Hội NGỌ _ Hội Ngọ được tính từ năm -2196 đến năm +8604.

Mỗi Hội có 30 vận, tính ra ta đang ở vận thứ 12 vậy..... Cứ thế, lấy năm tháng ngày giờ trong giai đoạn ấy theo công thức sẵn có gia Trực Phù (là các sao: Thiên Bồng, Thiên Nhuế, Thiên Xung, Thiên Phụ, Thiên Cầm, Thiên Tâm, Thiên Trụ, Thiên Nhậm, Thiên Anh); gia Trực Sử (là các Cửa Bát Môn: Hưu, Sanh, Thương, Đổ, Kiển, Tử, Kinh, Khai); rồi lại thêm các sao như: Thanh Long, Minh Đường, Thiên Hình, Chu Tước, Kim Quĩ, Thiên Đức, Bạch Hổ, Ngọc Đường, Thiên Lao, Huyền Vũ, Tư Mệnh, Câu Trần. Hay Bát Thần: Trực Phù, Đằng Xà, Thái Âm, Lục Hợp, Câu Trần, Chu Tước, Cửu Thiên, Cửu Địa.... Nói chung rất nhiều, cực kỳ phức tạp. Lập thành xong mới luận đoán.

Trong Kỳ Môn, sau khi lập thành, người ta căn cứ vào Trực Phù, Trực Sử gia vào địa bàn nào, độ số Kỳ Môn bao nhiêu để luận đoán. Do Trực Phù là các sao, nên nó là cái Linh Khí đang hợp ở lúc đó. Trong môn Độn Giáp, nói về các sao thuộc về Thiên thể, tức là những quang tuyến vũ trụ ảnh hưởng trong lúc đó cho muôn sự vật. Nó tương tự như một ý tưởng của nhà kiến trúc vậy, đòi hỏi phải hợp thời mới được.

Ví dụ như Sao Thiên Xung vượng ở tiết Lập Xuân, được vậy thì tinh thần sáng rỡ, muôn việc đều thịnh vượng. Nhưng nếu nó lại gia vào cung Thất Đoài, tức là Thiên Xung / 7 là phương trình thức, thì Thiên Xung thuộc Mộc bị trên địa bàn Đoài Kim khắc và xung thì ất ở nơi không thích hợp, và còn bị nguy hại, tổn hao nữa vậy.

Còn Trực Sử, nghĩa trực tiếp là thẳng đến sai khiến. Trong môn Độn Giáp, dùng các cửa Hưu, Sanh, thương... để quyết cái hình trạng thiết thực trong cõi hữu hình.

Tỷ như nó là người thợ xây, là người thực hiện các ý tưởng của nhà thiết kế vậy. Quan hệ qua lại của chúng có thể ví như sau: Trục Phù là một hạt giống cây đại thụ, nếu cái hạt giống ấy gieo hợp thời vụ, gặp chỗ đất thích hợp thì cây dần lớn lên, có ngành có ngọn, có hoa có quả. Thân to, hoa thơm, quả lớn là nhờ ở cái khí hậu nơi cây trồng, nơi đất bồi bổ. Đó chính là ảnh hưởng của Trục Sử vậy. Nhân tốt thì Quả lành!

Nói đến cái ứng dụng của Kỳ Môn Độn Giáp thì rất nhiều, nếu quý vị nào có xem qua Tam quốc diễn nghĩa, chắc hẳn còn nhớ trận Lũng Tây, Gia Cát Lượng đã dụng Kỳ Môn Độn Giáp khiến quân Tư Mã Ý không cách nào đuổi kịp. Về việc này, trong Kỳ Môn có dạy: Nếu muốn trốn tránh thì lúc còn ở trong nhà, bắt đầu một vòng theo hướng trên phương vị có sao Thanh Long mà đi, qua sao Minh Đường, rồi ra Thiên Môn, vào cung Địa Hộ, hướng về Thái Âm, đến Hoa Cái. Nếu xuất hành thì nhanh như chớp, không ai theo kịp. Nói đến thuật khinh thân này, nếu quý vị nào không tin có thể tìm xem tác phẩm "Tây Tạng huyền bí" của dịch giả Nguyễn Phong. Trong cuốn sách ấy kể lại những câu chuyện có thật, của một đoàn Khoa Học Gia của Hoàng Gia Anh khi họ đến tìm hiểu xứ Tây Tạng. Các nhà ẩn sĩ ấy như có phép thuật huyền bí vậy. Nói thế chỉ để quý vị thấy rằng các phép khinh công, phi thân mà trong độn giáp nói là có thực, quan trọng là ta có biết cách ứng dụng không thôi.

Do đó mà nói, Kỳ Môn Độn Giáp thật sự là thiên biến vạn hóa, ứng dụng được trong rất nhiều lĩnh vực, nhất là trong các trận đồ ngày xưa_ chi phái lập trận theo Kỳ Môn này hiện còn tại VN, trong một ngôi chùa ở Thất Sơn Châu Đốc. Những ai đã từng nghiên cứu qua các loại hình trận đồ thì ít biết các trận thế Trường Xà, Tứ Tượng.... Nhưng áp dụng Kỳ Môn vào trận thế thường là những trận Chính phản ngũ hành, Bát Quái... Khi áp dụng giờ Kỳ Môn vào trận thì bên ngoài trận thế vẫn bình thường, nhưng khi vào trong rồi thì cảnh vật biến đổi, hễ ta tịnh thì cảnh tịnh, hễ ta động thì cảnh động theo. Trong trận sẽ phát sinh ảo giác khiến những ai bị giam trong đó khó mà thoát ra, nếu không am hiểu Kỳ Môn. Bởi có tính theo Kỳ Môn mới biết hướng nào cửa Sanh mà ra, tuy nhiên còn tùy theo giờ nữa. Tỷ như Sanh môn vốn thuộc cung Chấn Mộc, nay gia vào Đoài tất thất hãm, đã vào hãm địa tất không thể đi vậy, phải chờ đến giờ khác mới xung phá ra.

Cách nói của một số tiền bối đã từng nhận xét về việc này: Đây là một trận đồ Bát Môn có ứng dụng Kỳ Môn Độn Giáp. Về mục đích thật sự của việc "trấn yểm" này là gì thì chắc chắn đây là một trận pháp có uy lực rất lớn. Còn nhất cái gì thì, có thể là một con Rồng (bởi theo các nhà Phong Thủy xưa thì mỗi một Long Mạch có một con Rồng tồn tại?!), có thể là những oan hồn gì đó.... Vì sao trận pháp này có uy lực rất mạnh? Cũng có lý do của nó. Một khi lập trận theo Kỳ Môn Độn Giáp thì uy lực của trận đã tăng lên rất nhiều lần. Nhưng không bằng khi các cửa trận bị khóa hẳn. Chữ "KHÓA" ở đây không phải là trận không có Sinh Môn, nhưng cả 8 cửa đều được vị Pháp Sư dùng phép, bùa chú thỉnh người trấn giữ hết. Người trấn giữ nếu trong thời gian ngắn có thể thỉnh thị các Thần Linh, các vị Chiến sĩ Anh Hùng Dân Tộc, các Thiên binh Thiên tướng gì đó... tùy theo năng lực của vị Pháp sư đó cao hay thấp vậy. Nhưng dễ hơn hết, và tác dụng dùng dài lâu được chính là cách dùng các oan hồn hay nói như một số người gọi đó là các Âm Binh. Qua lời mô tả của tác giả bài viết thì rằng:

- _ Một là các xác chết kia, trước khi chết đã bị vị Pháp sư bắt uống một loại bùa.
- _ Hai là sau khi chết bị vị Pháp sư kia dán bùa lên trán.

nói chung, trong cả hai trường hợp đều nhằm để bắt linh hồn họ phục tùng, làm nô lệ cho vị Pháp sư sai khiến vậy. Và dĩ nhiên, trong trường hợp này, vị Pháp sư kia đã sai khiến linh hồn họ trấn giữ 8 cửa trận. Khi có thêm tám cái oan hồn này trấn giữ thì trận càng khó phá giải thập phần, bởi các oan hồn này khi ấy vừa có thêm đạo bùa của vị Pháp sư vừa được sự linh diệu của Kỳ Môn trận thế, như tăng thêm sức mạnh gấp trăm lần. Để khuyến dụ các linh hồn ấy, các vị Pháp sư đã táng thêm các vật dụng, các tiện nghi cho các oan hồn sử dụng. Vô hình trung, nơi ấy đã trở thành "nhà" của những oan hồn ấy vậy. Muốn giải điều này, trước tiên phải là một thầy thật giỏi, đủ sức lập đàn trừ những oan hồn nọ đi, nếu bản lĩnh vị thầy không đủ sai khiến các oan hồn thì chẳng khác nào chọc họ nổi giận thêm thôi. Cũng như nhà quý vị đang ở mà có ai tới đập phá, quý vị có để yên không.

Không chỉ thế, người lập đàn tràng đó phải là người tinh thông Kỳ Môn Trận Pháp, biết tính giờ nào thì trận sẽ yếu nhất, có như vậy mới đủ sức triệt tiêu trận này. Cũng may là lúc trừ các cây cột gỗ đó lên nhằm ban ngày, đang lúc Dương Khí thịnh vượng, nên mới dễ dàng vậy. Khi không còn nơi trú ngụ, đương nhiên các oan hồn đó trút sự giận dữ lên những ai mà họ cho rằng đã phá nơi cư trú của họ thôi.

Giả thuyết như đây là nhánh của cửa Long Mạch, ảnh hưởng tới Kinh Thành Thăng Long, tức là người trấn yểm kia có ý ngăn chặn một nhánh Long Mạch thì cũng có thể. Nhưng nói đây là Long Mạch ảnh hưởng đến Kinh Thành Thăng Long thì quả thật không có cơ sở. Trước khi chúng ta gỡ bỏ vật "trấn yểm" kia thì nước ta vẫn độc lập suốt hơn 20 năm đấy thôi. Thế Trung Hoa có bị ai trấn yểm mà phải chịu bị Nhật xâm chiếm? Phải chịu sự áp đặt của liên quân 8 nước? Bị ai trấn yểm mà Vua PHỔ Nghi gần như bị lưu đày xa xứ? Khi xét đến các vấn đề mang tính cách tế nhị này, chúng ta hãy có cái nhìn khách quan hơn. Nói rằng đất nước ta từ sau khi phá bỏ vật trấn yểm đó thì tiến triển hẳn, thật rất oan cho sự nỗ lực không ngừng của nhân dân cả nước. Việc thành bại, vượng suy không chỉ căn cứ vào một vấn đề Phong Thủy là đủ. Xin hãy nhớ cho rằng ĐỊA chỉ chiếm 1/3 trong quan hệ Tam tài của vũ trụ. Ngoài Địa lợi còn Thiên thời, còn Nhân hòa nữa. Việc Kinh Thành vượng suy không chỉ có Long Mạch là đủ, khoan nói đến Thiên và Nhân, chỉ chữ Địa thôi.

Có người cho rằng do Long Mạch này bị trấn yểm mà các vị lãnh tụ có chí hướng đều đoản mạng. Cái gì cũng có lý do cả. Đinh Bộ Lĩnh, Ngô Quyền, Lý Nam Đế đều ở thời trước khi có Kinh Thành Thăng Long lại ít tư liệu nào về những người ấy, nên chúng ta tạm gác qua vậy. Nói đến Vua Quang Trung là phải nói đến thế đất ở Bình Định, mà thời Cao Biền thì làm gì lãnh thổ ta kéo dài đến đấy?! Và lại, đất phát Đế Vương Bình Định là đất bạo phát bạo tàn, thế đất như hình ngàn quân ra trận, hiên ngang hùng vĩ nên mới phát võ tướng. Đất vùng núi non tuy phát quý nhưng rất dễ phạm Hung Sát, phải chọn mạch thật kỹ mới hóa giải được sự hung sát của nó. Thêm vào đó, tên Quang Trung khi chiết tự cũng mang ý nghĩ tài năng quán chúng nhưng yếu chiết. Vào thời Lý, Lý Thường Kiệt từng đánh chiếm cả hai tỉnh lưỡng Quảng. Đến thời Tây Sơn, Vua Quang Trung lập lại lịch sử một lần nữa. Đâu phải nước ta chỉ biết thần phục? Chẳng qua chính sách người Việt Nam ta lấy Đức phục Nhân thôi! Trong các triều đại của Trung Quốc, có triều đại nào mà yên ổn suốt cả thời gian nắm quyền không? Một nước lớn như Trung Quốc mà còn không làm nổi thì một quốc gia nhỏ như Việt Nam ta có chút trở ngại thế thì có sá gì? Tận nhân lực tri thiên mệnh! Khi chúng ta không tận lực thì không phải của trên

trời đổ xuống sẵn đâu, bạn thấy tôi nói đúng không? Khi cho chúng ta một vận hội tốt thì cũng phải có sự thử thách xứng đáng chứ?

Do đó, thế cuộc đất nước phát triển là điều ta có thể đoán trước được, trên đà phát triển từ sau khi có chính sách mở cửa, có điều sự việc diễn tiến nhanh chậm thôi. Nước đang ròng rát thì mười ông thầy giỏi địa lý cũng không thể làm nước vun lên được nữa là, giỏi lắm thì họ đắp đập ngăn nước, nhưng chỉ được một tý thôi. Phong Thủy dựa trên cơ sở Dịch Lý, mà Dịch Lý là phải hợp lý, không thể rập khuôn, không thể cưỡng cầu được. Phong Thủy dựa trên Dịch Lý nên cũng không thoát khỏi cái ý này. Cái gì cũng phải hợp lý trước đã. Nếu không xét cái Lý thì sao người ta không dùng Phong Thủy trấn yểm để bên Trung Đông hết chiến tranh đi? Như nước Mỹ có ai trấn yểm mà cũng bị sự kiện 9-11? Nước Mỹ bị ai trấn yểm mà hiện nay đang trên đà đi xuống, hàng năm thâm hụt ngân sách hàng trăm tỷ đô la?

Lý của Dịch mà, Dương lên tới cực điểm thì xuống Âm, nhưng thực ra hai sự việc diễn ra cùng lúc đấy. Khi Dương trường lên thì trong đó đã có cái mầm của sự hư hại vậy, chẳng qua chưa tới lúc thôi. Thôi, việc phát triển của Kinh Thành là cả một đề tài dài, 1-2 lời không thể nói hết, bởi còn nhiều việc bên trong nữa, chúng ta chỉ dừng ở đây vậy. Bởi khi đưa ra đề tài này chúng ta chỉ dựa trên mục tiêu là xem có bị ảnh hưởng gì tới kinh Thành không thôi.

Hiện nay, sự việc qua đã lâu, chúng ta cũng thấy rõ không còn vấn đề gì nữa, có thể xảy ra hai khả năng_ nhưng cả hai đều không nguy hại gì (có tức giận gì thì cũng một lúc thôi chứ!)

_ Một là các linh hồn đó vẫn tiếp tục lưu ngụ ở đó, cơn giận đã nguôi ngoai mà.

_ Hai là các linh hồn đó sau khi bị trục đi đã tản mát, và trước khi đi đã trả thù vị pháp sư nào đã đuổi họ ra khỏi đó. Lúc có đàn tràng thì có các vật trấn, có bùa chú sai khiến, các linh hồn ấy không thể trái ý, nhưng bình thường thì khác à? Trừ phi vị ấy là một người giỏi về phép Lỗ Ban thì tôi không nói, còn bình thường thì ai cũng như ai thôi.

Còn vấn đề nếu đó là một Long Mạch thì sự giải bỏ cấm chế chỉ có lợi chứ làm sao có hại được? Có khác chẳng đôi chút trong phần lý do ảnh hưởng thôi. Nếu đó là Long Mạch thì do bị dồn nén lâu ngày, khi tháo ra Khí sẽ tuôn ra ào ạt. Mà Khí ở đây là gì? Là các tuyến lực ngầm đan xen trong lòng đất, chúng có từ trường riêng của chúng. Khi các vật trấn yểm kia ở đó lâu như vậy đương nhiên bị nhiễm sóng từ của nó thôi. Khi phá bỏ cấm chế, Khí ồ ạt tuôn ra, tỏa ra một sóng từ với cường độ lớn, lẽ đương nhiên những người có liên quan nơi đó sẽ bị ảnh hưởng rồi. Người nhà họ thì do lực cộng hưởng của tính di truyền mà phải gánh nạn theo thôi.

Sưu tầm.

Nguồn:<http://lichsuhuyenbivietnam.blogspot.com.au/2013/02/giai-ma-viec-cao-bien-tram-yem-song-to.html>

www.vietnamvanhien.net